



LỄ ĐẠI TƯỜNG

Đức cố Đệ tứ Tăng thống THÍCH HUYỀN QUANG
Memorial Service for the UBCV's Fourth Supreme Patriarch
THICH HUYEN QUANG

at / tại **Chùa Bảo Phước**

270 Senter Rd, San Jose, CA. 95111 - U.S.A.

Tel: (408) 365-1228 - Email: chuabaophuoc@yahoo.com

Mục Lục

CHƯƠNG TRÌNH LỄ ĐẠI TƯỜNG

Trang 3

TIỂU SỬ ĐỨC CỐ ĐỆ TỨ TĂNG THỐNG THÍCH HUYỀN QUANG

Trang 4

25 năm sau ngày 30.4, HT. Thích Huyền Quang viết thư đề nghị Đảng và Nhà nước XHCN lấy ngày 30.4 làm "Ngày Sám hối và Chúc sinh toàn quốc"

Trang 15

THÔNG ĐIỆP PHẬT ĐẢN 2552

Trang 23



Contents

Programme of the Memorial Service

Page 26

Biography of the late UBCV Supreme Patriarch THICH HUYEN QUANG

Page 27

Letter by UBCV Patriarch Thich Huyen Quang to the Vietnamese leadership on the 25th Anniversary of the end of the Vietnam War calling on the Communist Party to make 30th April a "National Day of Repentance and Commitment"

Page 33

Last Vesak Message by Patriarch Thich Huyen Quang, May 2008

Page 40

Tài liệu do Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế, Cơ quan Thông tin và Phát ngôn của Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thực hiện / Document compiled by the International Buddhist Information Bureau, official mouthpiece of the Unified Buddhist Church of Vietnam

B.P. 60063 – 94472 Boissy Saint Léger cedex – France

Phone +331 45 98 30 85 – E-mail : ubcv.ibib@buddhist.com – Web : <http://www.que.me.net>

CHƯƠNG TRÌNH LỄ ĐẠI TƯỜNG CỦA ĐỨC CỐ ĐỆ TỬ TĂNG THỐNG THÍCH HUYỀN QUANG

Thứ Bảy ngày 17 tháng 7 năm 2010

10:00AM : Thuyết pháp (Đại lão Hoà Thượng Phó Tăng Thống Thích Hộ Giác)

12:00AM : Thọ Trai

2:00PM : Thuyết Pháp (Đại lão Hoà Thượng. Phó Viện Trưởng VHD Thích Chánh Lạc)

4:00PM : Ra mắt tác phẩm : **“Một Đời Vì Đạo Vì Dân” Đức Cố Tăng Thống Thích Huyền Quang**

6 :00PM : Duyệt thực

7 :00PM : Cảm niệm về công hạnh hoằng hóa của Đức cố Đệ tử Tăng thống Thích Huyền Quang (những chia sẻ của Chư Tăng, Ni, Phật tử từng sống hay làm việc với Ngài)

Chủ nhật ngày 18 tháng 7 năm 2010

8:00AM : Triển lãm Tranh ảnh

10:00AM : Bắt đầu chương trình Lễ Đại Tường

- Chào cờ và một phút nhập Từ Bi quán
- Diễn Văn của Ban Tổ Chức
- Hành trạng của đức cố Đệ Tử Tăng Thống Thích Huyền Quang (Đức Phó Tăng Thống GHPGVNTN, Thích Hộ Giác trình bày)
- Ai Văn Tường nguyện của VP II VHD (Đại Lão Hoà Thượng Phó Viện Trưởng VHD Thích Chánh Lạc tuyên đọc)
- Nghi thức Lễ Đại Tường qua hai truyền thống Nam Bắc Tông.
- Quan khách phát biểu cảm tưởng
- Cảm tạ.

12:00PM : Thọ Trai

2:00PM : Hội Luận về cuộc đời của đức cố Đệ Tử Tăng Thống (Gs. Võ Văn Ái, Phát ngôn nhân Viện Hóa Đạo & Nữ sĩ Ý Lan, Vụ Quốc tế Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế)

6:00PM : Hồi Hương

TIÊU SỬ ĐỨC CỐ ĐỆ TỨ TĂNG THỐNG THÍCH HUYỀN QUANG

Thân thế

Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Đệ tứ Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thế danh Lê Đình Nhân, sinh ngày 8 tháng 8 Canh Thân, tức 19 tháng 9 năm 1920, tại làng Háo Đức, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, con thứ tư của cụ Lê Vỹ và bà Ngô Thị Tư cùng ở làng Háo Đức.

Thời niên thiếu

Năm 1925-1932 : Ngài học chữ Nho tại nhà.

Năm 1932-1935 : Ngài thụ giáo với Hòa thượng Vĩnh Khánh, được ban pháp danh Như An, pháp tự Giải Hòa. Thọ sa-di giới năm 1935, thủ khoa trong tập chúng.

Năm 1935-1937 : Hòa thượng Vĩnh Khánh viên tịch (30.9.1935), Ngài đầu giáo Hòa thượng Bích Liên và được phú pháp hiệu Huyền Quang, pháp danh Ngọc Tân, pháp tự Tịnh Bạch.

Do tư chất đặc biệt xuất chúng, mà Ngài được đặc cách miễn tuổi để thọ Tam đàn Cụ túc và Bồ tát giới vào năm 17 tuổi (1937) tại giới đàn chùa Hưng Khánh, thuộc quận Tuy Phước, tỉnh Bình Định, do Hòa thượng Chí Bảo làm Đàn đầu. Kỳ sát hạch này Ngài đậu thủ khoa.

Năm 1938 đến 1945, Sau khi học xong ở Phật học đường Lương Xuyên, tỉnh Trà Vinh, Ngài ra đất Thân kinh Huế tông học tại Phật học đường Báo Quốc cùng với các Pháp hữu Thiện Hoa, Thiện Hòa, Thiện Siêu, Trí Quang, Thiện Minh, v.v...

Công nghiệp Hoằng hóa lợi sanh

Tháng 8 năm 1945, Ngài tham gia kháng chiến chống Pháp giành độc lập dân tộc ở Liên khu 5, giữ chức vụ Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Phật giáo Cứu quốc Liên khu 5. Do Ngài tổ chức cơ sở Phật giáo quy mô nên bị chính quyền cách mạng lâm thời nghi kỵ và theo dõi.

Đầu năm 1951, Ủy ban Kháng chiến liên khu 5 tuyên bố : “Sinh hoạt Phật giáo phải theo mô thức Hội đoàn”. Ngài lên tiếng phản đối : “Phật giáo chúng tôi là một tôn giáo quy tụ đủ mọi thành phần trí thức, nông dân, nam, phụ, lão, ấu, không thể xem như hội đoàn. Vì phê phán như vậy, ngài bị bắt, bị an trí ở Phù Mỹ, rồi Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, tổng cộng 4 năm trời ! Một tháng trước ngày đình chiến theo Hiệp định Genève (20.7.1954) Ngài được trả tự do.

Năm 1955 đến 1957, Ngài làm Giám đốc Phật Học Đường Trung phần ở chùa Hải Đức, Nhatrang.

Năm 1958 Ngài khai sáng Tu viện Nguyên Thiệu, thành lập Phật học viện Nguyên Thiệu do Ngài làm Giám viện cho đến ngày nay.

Năm 1958 đến 1962, Ngài giữ chức Phó Hội Trưởng Hội Phật Học Trung Phần kiêm Hội trưởng Hội Phật giáo Thừa thiên - Huế, văn phòng đặt tại chùa Từ Đàm. Sau đó Ngài làm Hội Trưởng Hội Phật Giáo Bình Định.

Năm 1963 Ngài tham gia cuộc vận động giải trừ Pháp nạn và yêu sách xóa bỏ Dự số 10 dưới thời Pháp thuộc liệt Phật giáo vào quy chế Hiệp hội. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra đòi lãnh đạo cuộc đấu tranh. Ủy ban do Hòa Thượng Thích Tâm Châu làm Chủ tịch, cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh làm Phó chủ tịch, Ngài làm Tổng thư ký kiêm Trưởng khối Soạn thảo tài liệu đấu tranh và Phổ biến ra toàn quốc.

Vào nửa đêm 20.8.1963, Chính quyền Ngô Đình Diệm tung "Kế hoạch Nước lử" bố ráp Tăng, Ni trên toàn quốc, tập trung đặc biệt vào hai thành phố Saigon và Huế, Ngài bị bắt cùng với hàng nghìn Tăng Ni. Sau chính biến 1.11.1963, Ngài mới được trả tự do.

Cuộc đấu tranh hoàn tất, Đại hội Phật giáo toàn quốc tổ chức tại Saigon từ 31.12.63 đến 4.1.64, và do Dự số 10 đã hủy bỏ, nên danh xưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được ra đời, kế tục công cuộc truyền thừa Chánh pháp của "Giáo hội Dân lập" từ xưa và "Tổng hội Phật giáo Việt Nam" trước đây. Ngài được cung thỉnh vào chức vụ Tổng thư ký Viện Hóa Đạo kiêm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Cư sĩ.

Năm 1964, Ngài đi Thái Lan tiếp xúc và liên lạc các chùa Việt ở thủ đô Bangkok đồng thời hành hương các thánh tích, thắng cảnh Phật giáo Thái.

Năm 1970, Ngài đại diện Viện Hóa Đạo tham dự Đại Hội Các Tôn Giáo Thế Giới vì Hòa bình lần thứ nhất tại Nhật Bản. Đại hội này do các tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành, Do Thái giáo, v.v... chủ trì.

Năm 1971, Ngài đi hành hương Ấn Độ, chiêm bái các Phật tích.

Năm 1972, Ngài sang Genève tham dự Đại Hội Hội Đồng Tôn Giáo Thế Giới ở Thụy Sĩ. Hội Đồng này do Tin Lành giáo Thế giới chủ trì. Đại Hội bàn việc hòa bình cho Việt Nam và cứu trợ nạn nhân chiến tranh.

Năm 1974, Ngài cùng Cố Hòa thượng Thích Thiện Minh sang thủ đô Bruxelles ở Bỉ dự lần thứ 2 Đại hội các Tôn giáo Thế giới vì Hòa Bình do các tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành, Do Thái giáo, v.v... chủ trì.

Ngày 27.12.1974, Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất kỳ 6 tổ chức tại Saigon cung thỉnh Ngài vào chức vụ Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo.

Sau năm 1975, do chính sách Cộng sản đàn áp Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, chiếm dụng tất cả các cơ sở của Giáo hội, từ chùa viện cho đến các cơ sở giáo dục văn hóa và xã hội từ thiện, khiến 12 Tăng Ni tự thiêu tập thể để phản đối vào ngày 2.11.1975 tại Thiền viện Dược sư, ấp Tân Long, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ. Ngài cử Hòa thượng Thích Quảng Độ, Tổng thư ký Viện Hóa Đạo, dẫn đầu một phái đoàn về Cần Thơ lập hồ sơ. Nhưng toàn bộ hồ sơ gồm các chứng liệu, băng từ ghi 7 lời thỉnh nguyện của Đại đức Thích Huệ Hiền trước khi tự thiêu, hình chụp và phim quay tại hiện trường đều bị công an tịch thu.

Ngày 3.3.1977, nhà nước tiến thêm một bước chiếm dụng Cô Nhi viện Quách Thị Trang ở Saigon, Ngài và Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng chư tôn đức Tăng, Ni, Phật tử phát động cao trào đòi hỏi Nhà nước cộng sản hoàn trả tài sản của Giáo hội. Cuộc đấu tranh gay go và bị Nhà cầm quyền thẳng tay đàn áp.

Ngày 6.4.1977, Ngài bị bắt và bị biệt giam tại Nhà giam số 4 Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh ở Sài Gòn cùng với cố Hòa thượng Thích Thiện Minh, Hòa thượng Thích Quảng Độ, v.v... Do áp lực quốc tế và sự phản đối của đồng bào Phật tử trong và ngoài nước, nên sau 18 tháng tù giam, ngày 10.12.1978 Nhà cầm quyền cộng sản đưa ngài ra Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử, kêu án 2 năm tù treo và quản chế tại chỗ.

Năm 1978, hai Giải Nobel Hòa bình người Ái Nhĩ Lan là bà Mairead Corrigan và bà Betty Williams viết thư cho Ủy ban Nobel Hòa bình đề nghị Ngài và Hòa thượng Thích Quảng Độ làm ứng viên Giải Nobel Hòa bình.

Do phản đối Đảng và Nhà nước thiết lập vào cuối năm 1981 một Giáo hội Phật giáo làm công cụ chính trị phục vụ Đảng và chia rẽ nền Phật giáo dân tộc, nên Ngài cùng Hòa thượng Thích Quảng Độ bị bắt ngày 25.2.1982 và bị trục xuất khỏi thành phố Saigon, đưa Ngài ra quản chế tại chùa Hội Phước, tỉnh Quảng Ngãi. Tại Quảng Ngãi, Ngài nhận lệnh Công an : cấm hành nghề Tôn Giáo, cấm phiên dịch và các nghề nghiệp khác. Tại đây Ngài bị nhà đương quyền quyền đối xử tồi tệ.

Kể từ năm 1990, các Nhóm Ân xá Quốc tế thuộc 5 quốc gia Vương quốc Bỉ, Canada, Pháp, Áo, Hoà Lan và Hoa Kỳ ghi danh Ngài như Người tù vì lương thức để bênh vực bằng cách gửi liên tục hàng chục nghìn bức thư cho nhà cầm quyền Hà Nội để đòi hỏi trả tự do cho Ngài.

Năm 1992, Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Đệ Tam Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, đau nặng, sắp ra đi về cõi Phật, nên để lại Di chúc cung thỉnh Ngài vào chức vụ Xử lý Hội đồng Lương viện kiêm Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, để hướng dẫn việc đòi hỏi phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và tìm thuận duyên tổ chức Đại hội Giáo hội kỳ VIII.

Ngày 21 tháng 3 Nhâm thân, tức 23.4.1992, Đức Đệ Tam Tăng thống Thích Đôn Hậu viên tịch tại chùa Linh Mục. Ngài xin ra Huế dự đám tang, nhưng chính quyền Quảng Ngãi không cho đi. Ngài tuyên bố : "Nếu chính quyền Quảng Ngãi ngăn cấm tôi ra Huế dự tang lễ, tôi sẽ tuyệt thực vô thời hạn, và sẵn sàng cúng dường thân này lên Chư Phật và tạ lỗi với Cố Đại Lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, bởi vì tôi đã không làm tròn nhiệm vụ mà Hòa Thượng giao phó". Sau hai ngày tuyệt thực, chính quyền đành phải để cho Ngài ra Huế.

Hòa thượng Thích Nhật Liên, Trưởng tử của Môn đồ hiệu quyền Đức Đệ Tam Tăng thống, trao lại cho Ngài ấn tín Giáo hội và Di chúc của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu. Ngài dâng lời Tác bạch trước kim quan Đức Đệ Tam Tăng thống với lời hứa linh thiêng : "Dẫu sẽ có muôn ngàn khó khăn, ngài không bao giờ chần bước, quyết vận động đòi hỏi Nhà cầm quyền Cộng sản phải để cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý như trước năm 1975".

Ngày 25.6.1992, Ngài viết Yêu sách 9 điểm, dài 9 trang, gửi 6 cơ quan lãnh đạo Nhà nước nói lên thảm trạng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bị kỳ thị và đàn áp trong suốt 18 năm ròng rã, tố giác việc tù đày, khủng bố hàng giáo phẩm như Cố Hòa thượng Thích Thiện Minh, Hòa thượng Thích Quảng Độ, v.v... , tố giác Đảng và Nhà nước dựng lên Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm công cụ chính trị cho Đảng với manh tâm chia rẽ khối Phật giáo dân tộc và tiêu diệt Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Yêu sách 9 điểm mở đầu cuộc vận động Giải trừ Pháp nạn.

Ngày 15.11.1992, Ngài viết "Đơn bổ túc Đơn đề ngày 25.6.1002 trình bày các việc liên hệ Mặt trận Tổ quốc". Văn kiện này gửi Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc và đồng kính gửi Tổng bí thư Đảng, Chủ tịch Nước, Thủ tướng và Viện trưởng Tối cao Pháp viện. Ngài nhắc đến các lần ngài bị bắt và bị tố khổ từ những năm 50 tại Liên khu 5 cho đến ngày hôm nay.

Ngày 17.8.1992, từ Hà Nội, Ông Phan Văn Tấn, Trưởng ban Dân vận Trung ương gửi cho các Ban Dân vận, các Tỉnh ủy và Thành ủy một tài liệu "Mật" mang số 125/TUDV "về việc Huyền Quang và số phận tử hoạt động chống đời", nhằm chỉ thị cho Giáo hội Phật giáo Nhà nước tố cáo Ngài, và chỉ thị cho công an địa phương, đặc biệt ở Quảng Ngãi, theo dõi quan hệ trong và ngoài nước của Ngài, kiểm soát và "đấu tranh mạnh mẽ hơn" đối với Ngài.

Ngày 18.8.1992, một tài liệu "Tuyệt mật" mang số 106/PA 15-16 của Bộ Nội vụ đưa ra 5 biện pháp đấu tranh chống Phật giáo : "1. Phân hóa cao hàng ngũ giáo sĩ ; 2. tranh thủ số có xu hướng tiến bộ, lôi kéo số lưng chừng, răn đe những đối tượng có biểu hiện tiêu cực ; 3. đối với số cực đoan chống đời phải cắt đứt chân tay, lấy giáo luật, pháp luật đấu tranh, không cho chúng co cụm chống phá ta ; và 4. thúc đẩy phong trào cách mạng trong vùng giáo, củng cố được nòng cốt, cốt cán của ta đặc biệt trong Tăng tín đồ Phật giáo (mà sau này họ gọi là đặc tình, tình báo làm công tác đặc biệt)". Trọng tâm tài liệu nhắm vào Ngài.

Ngày 4.8.1993, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nêu ra 6 điều kết tội Ngài, đồng thời cấm Ngài không được sử dụng chức vụ Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, không được sử dụng chùa Hội Phước làm trụ sở Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo, và bắt phải giao nộp khuôn dấu Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Ngày 20.11.1993, Ngài viết "**Tuyên cáo Giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn**", với nhận thức quốc nạn chưa giải trừ thì pháp nạn không thể giải quyết. Ngài đưa ra 12 điểm phê phán khách quan về sự bế tắc của tình hình Việt Nam do Nhà nước cộng sản gây ra. Rồi Ngài đề xuất 9 biện pháp trị liệu, kêu gọi Đảng và Nhà nước "*Sám hối với người chết trong tinh thần hứa lo cho người sống được sống người*", "*bỏ điều 4 trên Hiến pháp*" và tổ chức "*bầu lại Quốc hội với sự tự do tham gia ứng cử của toàn dân không phân biệt chính kiến, đảng phái, tôn giáo dưới sự giám sát của LHQ*".

19.10.1998 Giáo sư Abdelfatah Amor, Báo cáo viên LHQ đặc nhiệm tự do tôn giáo trên thế giới đến Việt Nam điều tra tình hình đàn áp tôn giáo đã yêu cầu gặp Ngài tại Quảng Ngãi nhưng nhà cầm quyền Hà Nội không cho phép.

Ngày 10.5.1998, bốn Giải Nobel Hòa bình gồm có Đức Dalai Lama (Tây Tạng), Bà Mairead Maguire (Ái Nhĩ Lan), Nhà Bác học Francois Jacob (Pháp) và Luật sư José Ramos-Horta (Đông Timor) thành lập "Ủy ban các Nhà lãnh giải Nobel Vận động trả tự do cho Nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ", và viết thư chung vào đúng ngày Phật đản 2542, 10.5.1998, gửi Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Chủ tịch Nước Trần Đức Lương và Thủ tướng Phan Văn Khải yêu sách trả tự do cho hai Ngài và hàng giáo phẩm Phật giáo.

Ngày 12.12.1999, ông David Young, Tham tán Chính trị tại Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Hà Nội vào Quảng Ngãi vấn an Ngài. Đây là người Tây phương đầu tiên được viếng thăm Ngài và hỏi han tình hình Phật giáo sau 17 năm Ngài bị cấm cố, mở đầu cho những tiếp xúc khác với Tây phương sau này.

Ngày 21.4.2000, Ngài viết bức thư dài gửi Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Phan Văn Khải và Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, đề nghị Đảng và Nhà nước lấy ngày 30 tháng Tư làm "**Ngày Sám hối và Chúc sinh toàn quốc**". Sám hối trước sự chết chóc qua các chiến cuộc của hàng triệu Bộ đội miền Bắc và Binh sĩ miền Nam, hàng trăm nghìn nạn nhân chết trong cuộc Cải cách Ruộng đất, Tổng tiến công Tết Mậu Thân tại Huế, và các cuộc hành quyết trong các Trại Cải tạo sau năm 1975. Sám hối với người chết và Chúc sinh người sống, trong nghĩa Linh quyền cho người chết và Nhân quyền cho người sống. Ngài đòi hỏi phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, trả tự do cho tất cả tù nhân vì lương thức, và bãi bỏ Nghị định quản chế hành chính 31/CP.

Tháng 4 năm 2001 do Tổ Hành động chống bắt bớ trái phép của LHQ (UN Working Group on Arbitrary Detention) phúc trình, Ủy hội Nhân quyền LHQ tuyên bố Quan điểm số tham chiếu 4/2001 công nhận Ngài và Hoà thượng Thích Quang Độ là hai tù nhân tôn giáo bị bắt bớ trái phép. Do nhà cầm quyền Hà Nội hồi âm thư LHQ nói hai ngài vẫn được tự do trái với sự thực, nên vài năm sau, ngày 25.5.2005 Ủy hội Nhân quyền LHQ lại một lần nữa xác nhận Ngài và Hoà thượng Thích Quang Độ là hai tù nhân tôn giáo bị bắt bớ trái phép (Quan điểm số tham chiếu 18/2005).

Ngày 11.2.2003, Ủy viên Đối ngoại của Hội đồng Châu Âu, ông Chis Patten tuyên bố: "Hội đồng Châu Âu và các Quốc gia thành viên kêu gọi Nhà cầm quyền Việt Nam trả tự do cho nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, yêu cầu Hà Nội để cho các nhà ngoại giao thuộc phái đoàn Liên hiệp Châu Âu tại Việt Nam đến thăm viếng hai Hòa thượng lãnh đạo Phật giáo.

Tháng 3 năm 2003, Ngài bị khối u gần mắt có nguy cơ ung thư, bệnh viện Quảng Ngãi không đủ phương tiện giải phẫu, Ngài muốn vào Saigon chữa trị. Nhưng bệnh viện Quy Nhơn và cơ quan công quyền tự ý tổ chức cho Ngài ra Hà Nội. Thời gian điều trị ở bệnh viện K ở đường Quán Sứ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các viên chức cao cấp Tòa Đại sứ Hoa Kỳ và Liên hiệp Châu Âu đến vấn an Ngài bên giường bệnh.

Ngày 17.3.2003, 31 vị Dân biểu Quốc hội Châu Âu viết thư cho Nhà cầm quyền Hà Nội yêu cầu để cho họ đến Việt Nam thăm bệnh Ngài và viếng thăm Hòa thượng Thích

Quảng Độ. Đầu tháng tư, 37 Dân biểu Quốc hội Hoa Kỳ cũng viết thư yêu sách Hà Nội trả tự do cho Ngài và Hòa thượng Thích Quảng Độ.

Trước mối quan tâm tha thiết của công luận quốc tế, chiều ngày 2.4.2003, Thủ tướng Phan Văn Khải tiếp Ngài tại Văn phòng Chính phủ. Trong câu chuyện, Ngài hỏi Thủ tướng lý do Đảng và Nhà nước ngăn cấm Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hoạt động? Lý do bắt bớ Ngài từ dưới thời Việt Minh ở Liên khu 5? Lý do bắt giam Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng nhiều vị tôn túc Tăng Ni và Phật tử? Rồi Ngài yêu cầu Thủ tướng giải quyết việc phục hồi quyền sinh hoạt cho Giáo hội bị ngăn cấm gần ba mươi năm qua. Thủ tướng Phan Văn Khải không trả lời dứt khoát, đổ lỗi cho cán bộ thừa hành cấp dưới và tuyên bố: "Chúng tôi cũng biết có sai lầm, xin Hòa thượng từ bi hoan hỷ".

Sáng ngày 7.4.2003, Ngài đáp chuyến xe lửa Hà Nội - Saigon xuôi Nam. Đến ga Huế vào lúc 10 giờ 13 phút. Dù Ngài không thông báo trước, nhưng vừa bước xuống tàu Ngài đã thấy 2000 Tôn đức Tăng Ni, Phật tử Huế cung nghênh tiếp đón giữa rừng người áo vàng, áo tràng lam, hàng trăm bó hoa khoe sắc vẫy cao, chen cùng cờ Phật giáo năm màu phấp phới. Ngày hôm sau, Ngài đến đánh lễ trước tháp Đức Cố Độ Tam Tăng thống Thích Đôn Hậu, trước tháp Cố Hòa thượng Thích Thiện Minh, và thăm các Tổ đình ở đất Thần kinh, ân cần nhắn nhủ chư Tăng Huế trên bước đường tu và hành đạo.

Ngày 9.4.2003, Ban Giám đốc Quỹ Cứu Người Lâm Nạn (People in Need) tại thủ đô Praha, Tiệp, do cựu Tổng thống Vaclav Havel chủ trì, quyết định trao Giải Nhân quyền cho Ngài, Hòa thượng Thích Quảng Độ để biểu tỏ lòng kính trọng và sự hậu thuẫn hai Nhà đối kháng cho Dân chủ tại Việt Nam đang kiên trì bằng con đường bất bạo động Phật giáo nhằm chuyển hóa dân chủ trên đất nước họ. Giải này mang tên "Người cho Người" (Homo Homini), phát hẳng năm cho những nhà đấu tranh nổi danh cho nhân quyền và dân chủ trong thế giới.

Ngày 1.5.2003, Ngài vào Saigon, dự tính về chùa riêng ở Saigon, nhưng Nhà cầm quyền chỉ định Ngài phải về tá túc chùa Ấn Quang và ra lệnh cho Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố đón tiếp Ngài. Không ai loan báo trước, nhưng trên một nghìn chư Tăng Ni, Phật tử đã tự động đến chùa Ấn Quang gặp ngài.

Trong thời gian ở Saigon, ba lần (ngày 3, ngày 9 và 12.5.2003), Ngài đến Thanh Minh Thiền viện vấn an Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đang bị nhà cầm quyền cách ly không cho tiếp xúc với bất cứ ai. Hai Ngài xa cách nhau bao nhiêu năm ròng vì án lệnh quản chế và tù đầy, nay mới được trực tiếp bàn thảo việc chấn chỉnh nội bộ Giáo hội sau thời gian dài bị tê liệt vì ngoại chương.

Ngày 9.5.2003, vào lúc 16 giờ, Bà Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại Saigon, Emi Lynn Yamauchi, đến vấn an Ngài. Cùng đi có ông Marc Forino, Cố vấn Chính trị, và bà Laura H. Kirkpatrick, Cố vấn Kinh tế.

Thành hội Phật giáo Nhà nước long trọng mời Ngài ở lại Saigon tham dự lễ Phật Đản, nhưng Ngài từ khước và trở về Tu Viện Nguyên Thiều vào ngày 14.5.2003, cu mang những dự án mới chấn chỉnh giáo hội.

Ngày 18.9.2003, Hòa thượng Thích Quảng Độ ra Tu Viện Nguyên Thiều thăm Ngài và ở lại 3 tuần lễ. Thời gian này nhiều phái đoàn chư Tăng các tỉnh miền Trung và miền Nam nghe tin cũng tập nập về Bình Định vấn an, thỉnh ý cho việc phục hưng Giáo hội. Nhân đó hai Ngài họp bàn việc bổ sung nhân sự vào Hội Đồng Lương Viện trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cũng như tại các cơ sở địa phương.

Ngày 1.10.2003, Ngài và Hòa thượng Thích Quảng Độ tổ chức Đại hội Bất thường tại Tu viện Nguyên Thiều. Lần đầu tiên có sự tham dự đông đảo của 60 chư Tăng đại diện các tỉnh về dự. Đại hội Bất thường thành công viên mãn với sự thỉnh cử 41 Hòa thượng, Thượng tọa vào hai Viện Tăng thống và Viện Hóa Đạo. Mấy lời ứng khẩu của Ngài trong lễ bế mạc Đại hội gây hưng phấn cho tất cả các đại biểu :

"Bao năm khó khăn quý vị biết rồi. Khó khăn từ cán bộ cao cấp cho đến cán bộ cơ sở. Nhưng mà thời gian đã gỡ rối các sự khó khăn đó cho chúng ta trong thời gian qua. Và trong tương lai, nếu còn gì khó khăn nữa, dù chúng ta không chờ cái đó, nhưng mà nếu cái đó không may xảy đến, thì chúng ta phải dạn dĩ chịu đựng và tiếp tục chịu đựng, để chúng ta có mặt với Giáo hội.

"Chúng ta làm thế nào cho đạo Phật phát triển hơn nữa, đạo Phật phát triển hơn nữa không giành quyền lợi của ai, không chiếm địa vị của ai, mà chỉ đem đạo Phật - đạo Từ Bi Hỷ Xả - giải thoát đau khổ cho chúng sinh nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng.

"Mong rằng tất cả những khó khăn trong tương lai, sẽ còn có ít nhiều chứ không phải không có, nhưng chuyện đó đối với chúng ta, chúng ta đã dạn dấp lắm rồi. Không có gì phải ngại, không có gì phải bỏ cuộc. Mong rằng Đại hội đem lại cho quý vị một Niềm Tin mới sau mấy mươi năm không hoạt động và đầy gian lao, đầy tù tội cùng khắp trên đất nước.

"Thưa quý vị, chúng ta là những người có thể nói rằng, chúng ta có thể bỏ danh, bỏ lợi, bỏ quyền, bỏ thế, thì chúng ta cũng chẳng ngại gì những khó khăn trong tương lai, nếu có. Trông mong quý vị nhất tâm và tích cực hơn nữa để giữ Giáo hội có mặt với dân tộc".

Ngài ban Giáo chỉ cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Hải ngoại tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo và Giáo hội tại các Châu tổ chức Đại hội để nối tiếp khai triển và kết thúc các công tác đề ra tại Tiên đại hội bất thường tổ chức trong nước ở Tu viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định hôm 1.10.2003.

Công việc đang tiến hành tốt đẹp, thì Hòa thượng Thích Quảng Độ bị công an làm khó dễ buộc phải rời Tu viện Nguyên Thiều về lại Sài Gòn. Hòa thượng đành ra về ngày 8.10.2003, Ngài cùng đi với Hòa thượng Quảng Độ và chư Tăng giáo phẩm.

Ngày 9.10.2003, xe chạy đến Lương Sơn cách thành phố Nhatrang 40 cây số, thì công an chặn bắt tất cả mười vị và hai Phật Tử. Sáu công an và đại diện Mặt trận thay phiên nhau hỏi cung và khám xét thân thể Ngài một cách bất lịch sự trong vòng 8 tiếng đồng hồ, cho đến lúc Ngài đuối sức, khàn cả tiếng, họ mới cho lệnh dẫn độ Ngài về lại Tu viện Nguyên Thiều vào lúc 23 giờ 30 khuya.

Ngày 21.10.2003, Giám đốc Công an Bình Định đến yêu cầu Ngài từ nhiệm mọi chức vụ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, chấm dứt liên lạc với Hòa thượng Thích Quảng Độ, thì Nhà nước sẽ mời Ngài ra thăm Hà Nội trở lại để bàn tính việc hợp tác với Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sẽ trao cho Ngài những chức vụ cao cấp. Ngài khước từ.

Trong khi ấy, rộng khắp từ trong nước ra đến hải ngoại và quốc tế, một phong trào phản đối nổi lên, đồng loạt tổ chức tuyệt thực phản kháng trước các tòa Đại sứ, Lãnh sự quán của Cộng sản Việt Nam liên tục trong nhiều tuần lễ với khẩu hiệu : "**ĐỪNG SỢ NỮA, HÃY DŨNG MÃNH VÀ VÔ ÚY ĐƯA CON THUYỀN GIÁO HỘI LƯỚT QUA PHONG BA BÃO TÁP !**".

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam và Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế kết hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Hải ngoại tại Hoa Kỳ – Văn phòng II Viện Hóa Đạo mở cuộc vận động khẩn cấp và sâu rộng tại Quốc hội Hoa Kỳ và Quốc hội châu Âu đưa tới thành quả là ngày 19.11.2003 Hạ viện Hoa Kỳ thông qua với đa số áp đảo "Quyết nghị 427" tán thán sự kiên cường của hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, một Giáo hội dân lập và có truyền thống 2000 năm lịch sử, và yêu sách Nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do cho Đức Tăng thống Thích Huyền Quang, Hòa thượng Thích Quảng Độ và chư tôn giáo phẩm trong Hội đồng Luồng viện cũng như phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. 24 giờ đồng hồ sau, ngày 20.11.2003, Quốc hội Âu châu thông qua Quyết nghị tương tự với đa số tuyệt đối.

Ngày 28.4.2004, vào lúc 10 giờ 50 sáng, ông Raymond Burghart, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam cùng phu nhân đến Tu viện Nguyên Thiều ở Bình Định vấn an Ngài và hàn huyên thân mật trên một tiếng đồng hồ. Ngài nhân danh Giáo hội ngỏ lời cảm ơn ông Đại sứ, Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ đã lưu tâm đến vấn đề tôn giáo tại Việt Nam, đặc biệt đã không ngừng lên tiếng bênh vực mỗi khi Ngài và Hòa thượng Thích Quảng Độ lâm nạn.

Ngày 15.9.2004 Ngoại trưởng Hoa Kỳ Colin L. Powell công bố đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia đàn áp tôn giáo trong thế giới "đặc biệt cần quan tâm", vì Việt Nam "dùng các biện pháp độc tài toàn trị hay độc đoán để kiểm soát những hoạt động tín ngưỡng và nghi thức tôn giáo". Các nước bị liệt kê vào danh sách đen sẽ bị Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp chế tài trên lĩnh vực kinh tế và tài chánh, nếu không chịu thay đổi chính sách đàn áp tôn giáo.

Ngày 18.11.2004, Ngài bị xuất huyết dạ dày nặng nên phải vào Bệnh viện Đa khoa ở Quy Nhơn cấp cứu. Các chùa viện trong và ngoài nước đồng loạt làm lễ cầu an cho Ngài. Cảm động nhất là ở hải ngoại nhiều Phật tử đã mua chim, cá phóng sinh để cầu nguyện cho Ngài sớm bình phục.

Ngày 21.11.2004, Tân Đại sứ Hoa Kỳ, ông Michael W. Marine cùng với phu nhân từ Hà Nội vào bệnh viện Đa khoa ở Quy Nhơn thăm bệnh Ngài. Cùng ngày này, tại Saigon, Phái đoàn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đến vấn an Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tại Thanh Minh Thiền viện trong vòng hai tiếng đồng hồ.

Ngày 22.11.2004, Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng với phái đoàn Hội đồng Lương viện lên đường đi Bình Định thăm Ngài trong cơn thập tử nhất sinh. Nhưng công an đã chặn xe tại Trảng Bom, cách Saigon 50 cây số, giữa rừng cao su vắng vẻ, áp tải phái đoàn về lại Saigon.

Ngày 31.11.2004, Ngài xuất viện về tịnh dưỡng tại Tu viện Nguyên Thiều, sức khỏe còn rất yếu nhưng đã thoát khỏi cơn hiểm nghèo.

Ngày 21.2.2005, Ngài viết Thư Ngỏ gửi đến các ông : Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Đảng, Trần Đức Lương, Chủ tịch Nước, Phan Văn Khải, Thủ tướng, và Nguyễn Văn An, Chủ tịch Quốc hội. Qua Thư Ngỏ, Đức Tăng thống ngạc nhiên nhận định một điều mâu thuẫn đang xảy ra khi thấy Nhà nước tiếp tục đàn áp GHPGVNTN, nhưng lại đón tiếp phái đoàn Sư Ông Nhất Hạnh về Việt Nam . Cuối thư Ngài yêu cầu *“Đảng và Nhà nước minh bạch hóa trường hợp quản chế tôi và Hòa thượng Thích Quảng Độ bằng khẩu lệnh kể từ vụ bắt bớ tùy tiện chúng tôi ngày 9.10.2003 tại Lương Sơn”*.

Ngày 20.3.2005, Ngài trực tiếp gọi điện thoại cho Ban Trị sự Giáo hội Nhà nước tỉnh Bình Định thông báo rằng Ngài không tiếp Sư Ông Nhất Hạnh và phái đoàn Tăng thân Làng Mai theo lời yêu cầu của Sư Ông ngõ ý muốn đến Tu viện Nguyên Thiều ở Bình Định đánh lễ Ngài.

Ngày 8.8.2005 nghe tin quân khủng bố đánh bom tại thủ đô Luân Đôn gây chết chóc thảm khốc cho nhân dân Anh, Ngài viết thư chia sẻ gửi Nữ hoàng Elisabeth Đệ nhị. Sang ngày 15.8, Nữ hoàng đã gửi thư cảm tạ Ngài.

Ngày 18.8.2005, Công an và Ban tôn giáo chính phủ đến Tu viện Nguyên Thiều “làm việc” với Ngài, cấm không cho Ngài tiếp các phái đoàn, đặc biệt không được tiếp ngài Quảng Độ. Ngài viết bức thư gửi Hoà thượng Viện trưởng Viện Hoá Đạo căn dặn việc Phật sự : *“Hòa Thượng hãy tùy hoàn cảnh, điều kiện, mà thêm bớt, thay đổi, bỏ sung, củng cố lại các thành viên trong Hội đồng Lương viện sao cho phù hợp với tôn chỉ để bảo toàn Giáo hội là được, chứ hoàn cảnh bây giờ và nhiều năm sau này nữa cũng chưa tổ chức Đại hội được đâu. Có lẽ hết đời mình cũng chưa Đại hội được đâu. “Nhưng chúng ta đừng lo. Chánh quyền nào cũng nói muôn năm nhưng có chánh quyền nào muôn năm đâu? Còn Phật giáo đâu có nói muôn năm nhưng Phật giáo đã mấy ngàn năm rồi”*.

Ngày 1.12.2005, Quốc hội Châu Âu ra Quyết nghị yêu cầu Việt Nam *“chấm dứt mọi hình thức đàn áp các thành viên thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và chính thức công nhận quyền hiện hữu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất(...) đặc biệt là trả tự do cho nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, hai Hòa thượng đã được LHQ xác nhận là nạn nhân bị giam cầm trái phép”*.

Ngày 21.9.2006, ông Nguyễn Khánh Toàn, Thứ trưởng Bộ Công an từ Hà Nội vào thăm Ngài. Ông ngõ lời khuyên Ngài “nay tuổi đã già nên tịnh dưỡng, không nên nhọc công lo việc Giáo hội, để cho giới trẻ cáng đáng”. Ông Thứ trưởng Công an cũng khuyên “nếu ông Quảng Độ có ra thăm cũng không nên bàn chuyện Giáo hội”. Ngài liền đáp : *“Chí nguyện suốt đời tôi là phục vụ dân tộc, phục vụ đạo pháp, phục vụ Giáo hội Phật giáo*

Việt Nam Thống nhất cho đến hơi thở cuối cùng. Không ai có thể ngăn cấm tôi và Hòa thượng Thích Quảng Độ bàn bạc chuyện Phật sự của Giáo hội”.

Ngày 22.9.2006, Đức Tăng Thống lâm bệnh, chóng mặt và khó thở. Đến ngày 25.9 thì tình hình khẩn cấp nên chư Tăng ở Tu viện Nguyên Thiều đưa ngài vào bệnh viện Đa khoa Quy Nhơn lúc 16 giờ. Bác sĩ cho biết ngài bị suy tim và viêm phổi. Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo đã cấp tốc triệu tập buổi họp khẩn lấy quyết định thỉnh Đức Tăng thống vào Saigon chữa trị. Ngày 29.9.2006 Ngài vào đến bệnh viện Chợ Rẫy ở Chợ Lớn. Ở hải ngoại, hàng trăm chùa viện tổ chức lễ Cầu an cho Đức Tăng thống sớm bình phục.

Ngày 1.10.2006, Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng chư Tăng giáo phẩm trên 20 vị và đông đảo Phật tử đã đến bệnh viện Chợ Rẫy ruốc Ngài về điều trị ở bệnh viện Pháp Việt, tọa lạc tại số 6 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, thành phố Saigon.

Ngày 16.10.2006, sau khi khám tổng quát, các bác sĩ ở bệnh viện Pháp Việt đồng ý để Đức Tăng thống xuất viện về tịnh dưỡng tại Chùa Giác Hoa ở Quận Bình Thạnh, Saigon. Một thời gian sau Ngài trở về Tu viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định, chờ ngày 30.12.2006 trở lại Saigon tái khám. Nhưng ngày 2.1.2007 Công an tỉnh Bình Định không cho Ngài đi.

Ngày 5.5.2007, Báo An Ninh Thế giới của Bộ Công an số 651, cho đăng ở trang nhất bài **"Thượng tướng Nguyễn Văn Hường thăm Hòa thượng Thích Huyền Quang: Một cuộc gặp gỡ thân tình và cởi mở"** nhân ngày kỷ niệm 30.4.2007. Bài này nhằm mạ lị Cư sĩ Võ Văn Ái và Hoà thượng Thích Quảng Độ *"hoạt động chống phá chính quyền, làm giả di chúc và soạn thảo Thông điệp Phật Đản Phật lịch 2551, với nội dung sai sự thật, kích động chống chính quyền"*. Nhưng qua điện đàm, Ngài cho Đạo hữu Võ Văn Ái, Giám đốc Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế biết rằng : *"Thầy có tiếp họ chừng nửa giờ. Xã giao qua vè, không có việc gì khác. Họ có tuyên bố Thầy muốn đi đâu cũng được không ai ngăn cấm. Trước đây, hai lần họ mời Thầy ra làm Trụ trì chùa Sóc Sơn (ở miền Bắc). Nhưng Thầy không đi. Ra ngồi đó để ở tù như hời ở Nghĩa Hành trước đây hay sao ?! Thầy không đi. Các điều in trên báo là họ đặt bày để phá mình. Ngoài đó đừng có tin. Anh Ái dặn quý Thầy và Phật tử đừng có tin"*.

Ngày 29.8.2007, Thiếu tướng Trần Tư, Cục trưởng Cục A41 (tức Cục An ninh xã hội theo dõi và kiểm soát các tổ chức tôn giáo) từ Hà Nội vào Bình Định gặp Ngài tại Tu viện Nguyên Thiều để nói lên ba việc : thứ nhất, phản đối việc ủy lạo và cứu trợ Dân oan khiếu kiện hôm 17.7 của Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ; thứ hai, cấm Đức Tăng thống không được tổ chức Đại hội Phật giáo tại Tu viện Nguyên Thiều; và thứ ba, ngỏ lời mời Đức Tăng thống ra Hà Nội thăm viếng, nhân dịp gặp Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và tham dự Đại lễ Phật Đản 2008 tại Hà Nội. Ngài từ khước không ra Hà Nội.

Ngày 8.9.2007, để đối phó với tình hình nhà cầm quyền Cộng sản đàn áp, bức bách, và vu cáo trắng trợn GHPGVNTN; mặt khác, *"một số phân tử cơ hội trong cộng đồng Phật giáo hải ngoại tiếp tay gây phân hóa, tạo ly gián, biến tướng chủ trương, đường hướng sinh hoạt của GHPGVNTN Hải ngoại, âm mưu dập tắt tiếng nói của Giáo hội trên địa bàn quốc tế"*, Ngài ban hành Giáo chỉ mang số 9 như biện pháp tự vệ và kiện toàn tổ chức Giáo hội trong và ngoài nước.

Ngày 4.2.2008, Đài Á Châu Tự do phát thanh Lời Chúc Tết của Ngài đến Cộng đồng Người Việt hải ngoại nói chung và Cộng đồng Phật giáo hải ngoại nói riêng. Đặc biệt, Ngài

gửi lời khen ngợi chư Tôn đức Tăng, Ni, Phật tử hải ngoại “đã tận tình hoàng dương chánh pháp nơi các xứ sở xa xôi, đồng thời vẫn nhất tâm hậu thuẫn Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại quê nhà. Đặc biệt chư liệt vị đã chí thành khâm tuân và thi hành Giáo chỉ số 9 do tôi ban hành và các Thông tư, Thông bạch của Viện Hóa Đạo nhằm chấn chỉnh và phát huy Giáo hội trước tình thế mới, cũng như làm rạng danh hai nghìn năm Phật giáo Việt Nam, chư liệt vị Tổ sư, các Thánh tử đạo và những người đã hy sinh để bảo vệ dân tộc, bảo vệ lãnh thổ và bảo vệ chánh pháp”.

Lời Ngài nói đánh bật mọi xuyên tạc, vu khống của một số Tăng sĩ và Cư sĩ ở hải ngoại tung tin thất thiệt rằng “Giáo chỉ số 9 là giáo chỉ giả không do Ngài ban hành”.

Ngày 18.5.2008, nhân dịp Đại lễ Phật Đản, Cộng đồng Người Việt Quốc gia tại thành phố Houston và vùng phụ cận, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ, tổ chức Lễ Vinh danh Đức Đệ tứ Tăng thống Thích Huyền Quang và Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ. Tại cuộc lễ, một trong những lời phát biểu đầy ý nghĩa là lời tôn vinh của ông Al Green, Dân biểu Quốc hội Hoa Kỳ. Ông nói rằng :

“Những người thiện tâm quanh thế giới đều buồn thương ngày Mục sư Martin Luther King bị bắt giam vào nhà ngục Birmingham. Những người thiện tâm quanh thế giới đều buồn thương ngày Nelson Mandela bị bắt giam nửa thế kỷ trước đây. Việc cấm cố Đức Tăng thống Thích Huyền Quang và Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ hôm nay cũng gây buồn thương cho những người thiện tâm quanh thế giới.

“Bởi vì Mục sư Martin Luther King nhắc nhở chúng ta rằng, bất công ở bất cứ đâu đều đe dọa công lý cho khắp mọi nơi. Bất công đối với Đức Tăng thống Thích Huyền Quang và Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ hôm nay là mối đe dọa ngay cho đất nước Hoa Kỳ này.

« Chúng ta phải thấy rõ một điều, hễ nhắc tới nhân loại là chỉ còn một chủng tộc - chủng tộc của loài người. Nên chúng ta phải cùng nhau hành động để gìn giữ nhân loại cùng chung nòi giống ấy.

“Hoa Kỳ của chúng ta trong thế đại siêu cường của thế giới, phải khẳng định vấn nạn lớn của nhân sinh. Vấn nạn này không đòi hỏi chúng ta làm “sen đầm” quốc tế, mà là đem lại hoà bình cho thế giới. Đây là lý do vì sao Ngày lễ Phật Đản trở nên vô cùng quan trọng, vì đại lễ này nhắc chúng ta đặt trọng tâm vào sự sống của tha nhân, đem lại hạnh phúc và an lạc cho tha nhân, giúp đỡ tha nhân có cuộc sống yên hàn trên trái đất.

“Cử hành Đại lễ Phật Đản hôm nay, phải là mục tiêu để cho mọi người biến mỗi ngày trong đời sống thành một Ngày Phật Đản, ngày mà chúng ta mang lại an lạc và hoà điệu cho tha nhân, là điều nhân loại cần được hưởng trong một thế giới cộng sinh.

“Tôi vô cùng hân hạnh được hiện diện hôm nay, trong cương vị Dân biểu Liên bang đơn vị 9 Texas, đồng thời đại diện cho Quốc Hội Hoa Kỳ, trân trọng trao bằng tưởng lệ vinh danh Đức Tăng thống Thích Huyền Quang và Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ ».

Ngày 27.5.2008 vì bị yếu tim, dịch trong phổi nên Ngài phải vào bệnh viện Đa khoa Quy Nhơn. Tuần lễ đầu có chiều khả quan. Nhưng sau một thời gian y sĩ phát hiện thêm bệnh gan, thận yếu, và bị suy dinh dưỡng nên phải chuyển Ngài vào phòng cấp cứu nhiều tuần lễ. Sau một tháng hơn nằm viện, bệnh tình Ngài không mấy thuyên giảm, nên Ngài tỏ

ý muốn về Tu viện Nguyên Thiều cho được thanh tịnh và nghe công phu sớm chiều. Đây cũng là ước nguyện của hàng giáo phẩm Hội đồng Lương Viện và Môn đồ pháp quyền.

Về đến Tu Viện Nguyên Thiều lúc 15 giờ 30 chiều 4.7.2008 và được chư Tôn đức trong Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ và Hoà thượng Thích Thiện Hạnh dẫn đầu rước Đức Tăng Thống vào phương trượng.

Tám giờ sáng ngày 5.7.2008 Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN cùng chư Tăng tại Tu viện Nguyên Thiều Khai kinh Cầu An cho Ngài. Đến 13 giờ chiều cùng ngày Ngài xả báo thân, an thần thị tịch nơi phương trượng của Ngài tại Tu viện Nguyên Thiều do Ngài sáng lập 50 năm trước. Ngài trụ thế 89 năm, pháp lạc 69.

Nguyên Thái Võ Văn Ái chấp bút
Paris, 4.7.2008

**25 năm sau ngày 30.4, HT. Thích Huyền Quang viết thư đề nghị
Đảng và Nhà nước XHCN lấy ngày 30.4 làm
"Ngày Sám hối và Chúc sinh toàn quốc"**

Từ nơi lưu đầy suốt 18 năm qua ở quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, Đại lão Hoà thượng Thích Huyền Quang, Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, vừa gửi một bức thư 6 trang đến các ông Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải và Nông Đức Mạnh. Văn thư đã được Viện Hoá Đạo tại Saigon gửi bảo đảm qua đường bưu điện đến các nơi trên. Các phân đề trong bức thư là của Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế:

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VIỆN TĂNG THỐNG**

Đồng kính gửi :

Ông Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam

Ông Trần Đức Lương, Chủ tịch CHXHCNVN

Ông Phan Văn Khải, Thủ tướng CHXHCNVN

Ông Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội CHXHCNVN

Nghĩa Hành, ngày 21 tháng 4 năm 2000

Thưa quý Ngài,

Từ hơn một tháng qua Đảng và Nhà nước bắt đầu tổ chức ăn mừng ngày kết thúc chiến tranh 30.4.1975. "Đại thắng mùa xuân", "Giải phóng miền Nam", "Thống nhất đất nước", "Độc lập và hòa bình", v.v... sẽ là những đề tài được ca ngợi.

Nhân danh Viện Tăng thống và Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tôi muốn nói lên những điều mà có lẽ Đảng và Nhà nước sẽ không có cơ hội nhắc tới trong dịp Kỷ niệm 25 năm này.

Xin hãy nghĩ đến những người đã chết và để tâm lo cho gia đình họ

Hai điều tôi mong được quý Ngài lưu tâm, là những người tử vong, tàn tật vì cuộc chiến, và quyền sống của người dân với đầy đủ các quyền tự do căn bản chưa được công nhận.

Theo số liệu chính thức của Nhà nước, trong cuộc chiến vừa qua có ba triệu người chết, 300.000 bộ đội mất tích chưa tìm thấy mộ phần. Trong thực tế, số liệu này còn cao hơn gấp bội. Chưa kể hàng triệu người tàn tật, hàng triệu gia đình có con em chết trận không được nâng đỡ hay đền bù xứng đáng. Chưa kể số phận đồng đảo binh sĩ tử vong hay tàn tật thuộc miền Nam cũ chưa hề được nhắc nhở như con dân một nước, dù chiến tranh chấm dứt từ lâu, dù lưỡng cực phân tranh trên thế giới đã cáo chung. Chưa kể nạn nhân chết oan ức hoặc bị hành hạ tàn bạo trong thời Cải cách Ruộng đất, mà con số 700.000 người đã được các cán bộ trong cuộc tiết lộ. Chưa kể nạn dân bị tàn sát trong cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, đặc biệt tại Huế. Chưa kể trên 100.000 người bị hành quyết trong các Trại Cải tạo, và gần một triệu người bỏ thân trên biển cả khi vượt biển tìm tự do. Biết bao đau bể thảm sâu trong một bài tính cộng.

Đó là những người đã chết hoặc sống trong phũ phàng, quên lãng.

Chọn lựa duy nhất: Vào tù hay vào guồng máy Đảng

Nhắc đến quyền sống của người dân với đầy đủ các quyền tự do căn bản, tôi chợt nhớ lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "**Độc lập mà dân không được tự do, không được hạnh phúc, thì độc lập không có nghĩa gì**". Sự thật ngày nay, 80% nông dân và người lao động sống trong cảnh bần hàn, đói khổ. Sung túc bề ngoài chỉ thấy ở vài thành phố lớn, làm màu mè cho khách du lịch hay những nhà ngoại giao phương Tây, nhằm cầu viện trợ kinh tế. Sung túc nói đây là sung túc trong tham nhũng và chộp giật của nhau, chứ chưa là đời sống ổn định thái hòa của một xã hội an sinh.

Muốn biết quốc gia thịnh suy như thế nào, chỉ cần nhìn vào đời sống của một người dân thường, một đoàn thể, một tôn giáo. Hiện tại ở nước ta, đoàn thể hay tôn giáo không được quyền tự do tồn tại, vì điều 4 trên Hiến pháp quy định sự độc tôn của tư tưởng Mác Lê-nin, và độc quyền cai trị của Đảng Cộng sản. Mọi hình thái sinh hoạt của đoàn thể, tôn giáo ngoài chủ nghĩa cộng sản đều bị loại trừ. Con người Việt ở đầu thế kỷ 21 chỉ còn hai chọn lựa : **vào nhà tù hay vào guồng máy Đảng**.

Khổ thay khi vào guồng máy Đảng, con người chẳng còn được hiện hữu theo cá tính tự do của họ. Có miệng không được nói, có đầu óc không được suy nghĩ, có trái tim không được thương yêu nòi giống và quê hương theo quan điểm riêng biệt.

Còn vào nhà tù hay trại cải tạo thì được tự do suy nghĩ một mình, tự do ăn nói một mình. Song tự do như thế là tự do di động trong mô sống, chẳng ai biết chẳng ai hay, vô tích sự với xã hội, nhân quần. Tự do theo kiểu này, khi nhân phẩm đã bị giải thể, có khác chi thứ tự do của loài trùn quắn quại trong lòng đất ?

Lời tra vấn cho nền văn hiến Việt và sự sinh tử cho mỗi con người

Thưa quý Ngài,

Là Tăng sĩ Phật giáo, với 83 tuổi đời, tôi không được sống và hoàng dương giáo lý Từ bi của đức Phật cho đồng bào tôi. Từ dưới thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa ngày nay, tôi chỉ biết mùi vị của nhà tù. Bởi có gì một công dân, một người tôn giáo như tôi không được sống trong cảnh tự do ? Và qua tôi, một Giáo hội dân lập có truyền thống 20 thế kỷ trên đất nước này, là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, không được tự do sinh hoạt, như Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị của Liên Hiệp Quốc quy định và bảo đảm ?

Câu hỏi tôi đặt ra đây không là sự oán hận cá nhân hay lời than phiền của một tôn giáo. Mà là lời tra vấn thống thiết về tiền đồ của nền văn hiến Việt, và sự sinh tử cho mỗi con người. Là nạn nhân và chứng nhân lịch sử 55 năm qua, tôi muốn được thấy đất nước đổi thay trong khi mình còn sống. Chứ không muốn từ già cõi đời với hình ảnh của một chính thể bất biến trong chủ trương kỳ thị và đàn áp tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội cùng mọi quyền tự do căn bản của nhân quyền.

10 ngón tay chặt 5 ngón: tiêu diệt Trí, Phú, Địa, Hào và Tôn giáo thời Việt Minh

Năm 1950, sống ở Liên khu 5 vào thời Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động Cải cách Ruộng đất, tôi đã từng nghe cán bộ và loa phóng thanh ra rả ngày đêm kêu gọi nhân dân tiêu diệt năm thành phần xã hội "Trí, phú, địa, hào, và tôn giáo lưu manh". Mười ngón tay mà chặt mất năm thì còn lại gì ? Năm 1951, ông Nguyễn Duy Trinh, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu 5, đại diện Chính phủ Trung ương, tuyên bố rằng : "**Phật giáo đã đến lúc cáo chung**". Ông Trinh nêu đích danh Phật giáo, không nhắc nhở hay công kích các tôn giáo khác. Thế là sang năm 1952, chính quyền kháng chiến bắt quân chúng Phật tử phải rời bỏ hàng ngũ Phật giáo để sáp nhập vào Liên Việt, một tổ chức ngoại vi của Đảng. Tôi phản đối, liền bị bắt giam tại Quảng Ngãi, Hội Phật giáo Cứu quốc của chúng tôi bị giải tán. Nhờ có Hiệp định đình chiến Genève năm 1954, tôi mới được trả tự do. Giấy phóng thích không ghi tôi phạm tội gì.

Kỳ thị và đàn áp Phật giáo sau ngày 30.4.1975

Sau ngày 30.4.1975, chính quyền Cách mạng lên ngôi, ai cũng tưởng mọi thành phần dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân sẽ được yên ổn làm ăn, tự do sinh hoạt trong tinh thần hòa hợp hòa giải ghi trong Hiệp định Paris. Nhưng không, chuyện cũ tái hiện. Thành phần đồng đảo quần chúng là Phật giáo đồ, tổ chức có truyền thống dân tộc và quy mô là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, là những nạn nhân bị kỳ thị và bị đàn áp trước tiên.

Mặc dù lập trường của Giáo hội chúng tôi trước sau như một : **dân tộc, hòa bình, từ bi, cứu khổ.**

Chính sách kỳ thị và đàn áp thể hiện qua việc bắt Tăng Ni hoàn tục, bắt họ đi kinh tế mới, đi nghĩa vụ sang chiến trường Kampuchia hay đem giam vào trại Cải tạo ; chiếm đoạt tại Saigon và trên khắp các tỉnh thành ở miền Nam tất cả các cơ sở tự viện, gia ốc của Giáo hội, các cơ sở văn hóa, giáo dục, xã hội, kinh tế, viện đại học Vạn Hạnh, hệ thống trường trung, tiểu học Bồ Đề, trường Thanh niên Phụng sự xã hội, cơ quan từ thiện, nhà nuôi trẻ, cô nhi viện, đất chùa, kinh sách, v.v... . Khiến cho 12 Tăng Ni đã phải tự thiêu tập thể tại Chùa Dược Sư ở Cần Thơ ngày 2.11.1975 để phản đối và yêu sách quyền tự do tôn giáo.

Trong bức thư đề ngày 20.9.1975, mang số 0278-VHĐ/VP, nhân danh Viện Hóa Đạo gửi ông Chủ tịch Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam (kính quá Thượng tướng Trần Văn Trà, Chủ tịch Ủy ban Quân Quản Saigon - Gia định), tôi đã yêu cầu chấm dứt hành động đập phá tượng Phật. Trong thư, tôi nêu rõ 3 trường hợp cụ thể phá tượng Phật tại chùa Bửu Long ở Sóc Trăng ngày 2.9.75 ; đặt mìn phá tượng Phật Quan Âm lộ thiên cao 9 thước tại đồi Phú Hải ở Phan thiết ngày 11.9.75 ; đặt mìn phá tượng Phật Quan Âm tại Biển Hồ ở Pleiku ngày 11.9.75.

Tình trạng càng lúc càng tệ hại, nên ngày 17.3.1977 tôi lại nhân danh Viện Hoá Đạo viết thư, mang số 044/VHĐ/VP, gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nói lên chính sách đàn áp tôn giáo quy mô tại miền Nam cũ. Kèm thư, tôi nêu rõ 88 trường hợp đàn áp cụ thể và các vụ cưỡng chiếm văn phòng trụ sở Giáo hội tại 29 tỉnh thành : Phú bốn, Long khánh, Khánh hòa, Nhatrang, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình thuận, Sóc trăng, Chương thiện, Saigon, Thủ đức, Long châu tiền, Kiên giang, Tuyên đức, Gia lai, Kontum, Pleiku, Ban Mê thuộc, Định Tường, Phan thiết, Bình tuy, Hậu giang, Kiến phong, Thuận hải, Đồng nai, Bình chánh, Biên hòa, Long an, Minh hải. Việc tàn phá các Phật đài tôn nghiêm vẫn tiếp diễn. Cho đến đầu năm 1977, gần 20 tượng Phật Thích Ca và Quán Thế Âm bị phá hủy bằng chất nổ, bằng búa, thủ tiêu hoặc vứt xuống sông. Như các trường hợp xảy ra tại các chùa Tỉnh hội ở Gia Lai, Kontum, Ban Mê thuộc, chùa Vạn Hòa ở Kiên giang, chùa Khánh Minh ở Cần giuộc, chùa Thiên Tôn ở Minh Hải, Niệm Phật đường trong bệnh viện Nguyễn Văn Nhựt, v.v...

Bây giờ Dân khinh đáo đẽ

Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu ở miền Bắc trở về Nam thấy tình hình đàn áp nhân quyền nói chung và khủng bố Phật giáo nói riêng, đã phải thán lên trong băng hồi niệm mà ngài cho ghi âm, hiện chúng tôi còn giữ, rằng : "**Tình đoàn kết, thương yêu, kính trọng của nhân dân miền Nam chỉ được 10 ngày. Sau 10 ngày ("giải phóng") : tình đoàn kết tan rã, lòng yêu thương đổi thành ghét cay ghét đắng, sự kính trọng bây giờ người dân trở lại khinh đáo đẽ**".

Dù tình hình khó khăn khốc liệt như thế, nhưng Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, vẫn nghĩ đến sự đóng góp phần mình vào cuộc tái thiết quê hương sau thời chiến, nghĩ đến việc thống nhất khối lượng Phật giáo đồ hai miền Nam Bắc, y như thời đất nước chưa bị Hiệp định Genève qua phân, để chấn chỉnh đạo đức, bảo vệ nền hòa

bình dân tộc, bằng bó vết thương tranh chấp, bất hoà, và bài trừ các tệ nạn xã hội. Viện chúng tôi đã cần thỉnh Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu đại diện đến gặp ông Nguyễn Văn Hiếu, Bộ trưởng bộ Văn hóa, trình bày sự việc. Nhưng ông Hiếu trả lời : Thống nhất rất tốt, nhưng không thống nhất với Phật giáo phản động. Hỏi Phật giáo phản động là ai ? Ông Hiếu không trả lời. Phải chăng ông Hiếu và chính quyền Cách mạng không muốn cho Phật giáo đồ Bắc Nam Trung thống nhất trong lễ Đạo, mà chỉ nhằm bắt họ "thống nhất" với chính trị ?

Những ai không chịu thế tục hóa đạo Phật liền bị bắt nhốt, bị chụp cho đủ thứ mũ. Hiện trạng mà năm 1977, tôi cùng các vị lãnh đạo cao cấp và trung cấp trong Viện Hóa Đạo, như quý Thầy Thiện Minh, Quảng Độ, Trí Giác, Thông Huệ, v.v... bị bắt giam ở Phan Đăng Lưu. Cuối năm 1977, Hòa thượng Thích Thiện Minh bị tra tấn đến chết trong tù, Giáo hội xin nhận thi hài làm lễ an táng, thì bị từ chối. Hai năm sau, tất cả chúng tôi bị đưa ra tòa xét xử mà vẫn không biết mình phạm tội gì. Bởi chỉ đứng nghe lời vu cáo phán quyết, không được quyền tự biện hộ, cũng chẳng có luật sư bảo vệ như tại các nước văn minh tôn trọng pháp quyền. Người lãnh án treo, người tha bổng, người bị 2 năm, 3 năm, 7 năm tù.

Nên "Phật giáo Nước nhà" biến thành "Phật giáo Nhà nước"

Cuối năm 1981, Đảng và Nhà nước dựng lên tổ chức Phật giáo làm công cụ cho chính trị, bỏ tinh thần thống nhất đặc thù của Phật giáo Việt Nam để thu hình vào danh xưng "Giáo hội Phật giáo Việt Nam". Từ phong trào Chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, suốt 70 năm qua, tâm nguyện chúng tôi hành trì cho cuộc thống nhất nền Phật giáo Nước nhà, thì nay Đảng nấn dựng ra tổ chức Phật giáo Nhà nước. Vì vậy mà chúng tôi phản đối. Việc Giáo hội là của chư Tăng Ni và Phật tử quyết định, có sao Đảng lại nhúng tay sắp đặt và quyết định thay cho hàng giáo phẩm Giáo hội và quần chúng Phật tử ? Báo chí Đảng và Nhà nước dựa vào vài Tăng sĩ tên tuổi làm bình phong trấn an quần chúng trong nước và dư luận thế giới. Nhưng ngoài những người đội lốt Tăng già, còn lại là những trường hợp cá nhân bị bó buộc, bị lũng đoạn, thúc ép, hoặc nhiều vị lâm cảnh giả dại qua ải. Khiến Phật tử toàn quốc khổ tâm chứng kiến cảnh : **Một Giáo hội Nhà nước đã chết mà chưa chôn ! Một Giáo hội Dân lập** (Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất) **đã chôn mà vẫn sống !**

Giáo hội là nơi tập hợp những người mang cùng chí nguyện đem lại Chân, Thiện, Mỹ và giải thoát khổ đau cho đời. Không thể là nơi hoan hô, đả đảo suốt ngày. Vì vậy chúng tôi từ khước hình thức và nội dung của một Giáo hội công cụ. Thế là ngày 25.2.1982, tôi nhận Quyết định số 71/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Minh Đạm, Phó giám đốc Công an thành phố và ông Lê Quang Chánh, thay mặt Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố ký, trực xuất tôi ra khỏi thành phố Saigon. Áp giải về quản thúc tại tỉnh Nghĩa Bình từ đó đến nay. Bản Quyết định ghi tội danh của tôi là "lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ khối đoàn kết dân tộc (...), gây nguy hại và an ninh trật tự của thành phố". Lấy quyền gì mà Ủy ban Nhân dân Thành phố quyết định, bắt giam, lưu đày một tu sĩ cũng là công dân như tôi, chẳng cần thông qua sự xét xử của bất cứ tòa án nào. Cung

cách ấy có là tôn trọng pháp quyền chẳng? Cùng bị bắt, cùng bị đưa về nguyên quán quán thúc như tôi, còn có Hòa thượng Thích Quảng Độ giải về Thái Bình ở miền Bắc.

Dân biết, dân cảm hòng. Đảng biết, đảng bỏ tù

Năm 1992, Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu viên tịch tại chùa Linh Mục ở Huế. Cuối tháng 4 năm ấy, tôi xin phép ra Huế thọ tang Ngài cùng với chư tôn Giáo phẩm cao cấp, trung cấp của Giáo hội và Tăng Ni, Phật tử quy tập về từ các miền Nam, Trung, Bắc. Tại lễ diếu này, tôi được chư vị Giáo phẩm có mặt, chiếu Chúc thư của cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, ủy nhiệm tôi làm Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, để cùng với nhị vị Hòa thượng Thích Quảng Độ, Thích Pháp Tri lãnh đạo Giáo hội vận động phục hồi quyền sinh hoạt cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và tổ chức Đại hội VIII để bổ sung nhân sự lo việc hoằng pháp lợi sanh.

Tiếp nhận ấn tín của Giáo hội và trọng trách chư Giáo phẩm giao phó, về lại Quảng Ngãi tôi viết "Đơn xin cứu xét nhiều việc" đề ngày 25.6.1992 bao gồm 9 yêu sách gửi các ông Tổng bí thư Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Tối cao Pháp viện và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc. Lạ thay, thư không được hồi âm. Không bao giờ được hồi âm, những thư trước đó cũng như nhiều thư sau này. Đảng và Nhà nước thường tuyên bố nền dân chủ Xã hội Chủ nghĩa dân chủ một triệu lần hơn các nước dân chủ tư sản phương Tây. Sao lại giữ thái độ xem thường tiếng kêu cứu của người dân như thế? Khẩu hiệu tuyên truyền của Đảng và Nhà nước là "dân biết, dân làm, dân kiểm tra" còn mang ý nghĩa gì nữa?

Sự trả lời gián tiếp mà chúng tôi nhận được là hai tài liệu "Mật" mang số 125/TUDV của Ban Dân vận và "Tuyệt Mật" mang số 106/PA 15-16 của cơ quan Công an Bộ Nội vụ vào năm 1993. Hai tài liệu này chỉ thị cán bộ công an và tôn giáo vận "cắt đứt tay chân" và lấy "giáo luật, pháp luật" cô lập tôi và chống hàng giáo phẩm Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, mà tài liệu gọi bằng danh xưng không mấy lễ độ và rất thiếu chính trị "Bọn phản động Phật giáo Ấn Quang" !

Phản động hay không phản động chỉ là cách Đảng phân chia thù bạn. Chứ trong thực tế, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, chẳng ai thoát khỏi sự kìm kẹp, hạn chế tới đâu nếu không nói là ức chế của những sắc luật, nghị định, hướng dẫn về tôn giáo.

Suốt hai ngàn năm lịch sử Việt, ở vào các triều đại tự chủ và độc lập, Phật giáo chưa bao giờ nhận các loại Sắc luật dành cho tôn giáo như thế. Từ Nghị định 297/CP, rồi 69 của Hội đồng Bộ trưởng năm 1991 đến Nghị định 26/1999/NĐCP, từ các Chỉ thị, Hướng dẫn 379/TTG, 500/HD/TGCP đến Hướng dẫn Nghị định 26 của Ban Tôn giáo Chính phủ hôm 16.6.1999, 25 năm ròn rã vừa qua tất cả các tôn giáo, các người có tín ngưỡng đều buộc phải đứng sấp hàng nghe Nhà nước dạy bảo qua Ban Tôn giáo Chính phủ về những điều chẳng dính líu chi đến chuyện tín ngưỡng, chuyện giác ngộ hay giải thoát khỏi vô minh, khổ nạn. Chẳng có gì gọi là tự do cả.

Đây là tình trạng và hoàn cảnh người dân nói chung, người tu sĩ và Phật tử nói riêng chịu đựng trong úc chế và khốn cùng tại miền Nam 25 năm qua, tại miền Bắc 45 năm qua.

Phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN, trả tự do cho tù nhân tôn giáo và bãi bỏ Nghị định 31/CP

Con chim sắp chết tiếng nó kêu thống thiết. Người lão tăng sắp về cõi Phật như tôi không nói lời gian dối : Đảng và Nhà nước không thể mãi mãi che đậy những lỗi lầm của mình để làm chuyện thất đức, mà hậu quả khiến nhân dân bần cùng, tôn giáo bị đàn áp, trí thức mất tự do tư tưởng, nhà báo mất tự do ngôn luận, văn nghệ sĩ mất quyền sáng tạo, người lao động không tự do nghiệp đoàn...

Đã đến lúc cần chấm dứt tình trạng làm cho dân nghèo nước yếu, nhân tài và trí thức tiêu ma.

Đối với Phật giáo, chúng tôi yêu sách Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất phải được phục hồi quyền tự do sinh hoạt trên pháp lý hiện hành, vốn được quy định và bảo đảm tại Hiến chương, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của LHQ. Các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, Phật tử sau khi được trả tự do phải được phục hồi hộ khẩu, quyền công dân và quyền tự do hành đạo ; bãi bỏ Nghị định 31/CP để chấm dứt vĩnh viễn chế độ quản chế hành chính phi luật pháp khiến kẻ được trả tự do vẫn thấy như mình bị dẫn độ từ nhà tù nhỏ sang nhà tù lớn, khiến ai nấy nom nớp lo âu bị bắt vô cớ bất cứ lúc nào. Các Tăng sĩ, Phật tử còn bị giam giữ hay quản chế phải được trả tự do và giải chế. Nếu xét thấy họ có tội, thì đưa ra xét xử công khai trước một tòa án với quyền bào chữa của luật sư do họ chọn lựa, cùng sự hiện diện của báo chí quốc tế.

Ngoài ra, chúng tôi xin trả lại "chiếc mũ phản động", "chiếc mũ phá hoại", "chiếc mũ vu cáo chống đối" cho những ai chụp lên đầu chúng tôi. Đạo Phật là đạo thực hành sự Giác ngộ và Cứu khổ. Đạo Phật là đạo xây dựng một cõi người nhân ái và huynh đệ ▪ Đạo Phật không chống đối những tư tưởng thời đại, vì những tư tưởng ấy sẽ theo thời đại đi qua. Đạo Phật lấy Chánh Kiến soi sáng các thiên kiến, tà kiến mà thôi.

Linh quyền cho người chết và Nhân quyền cho người sống : 3 lời đề nghị

Kỷ niệm 25 năm chấm dứt chiến tranh, theo tôi nghĩ, Đảng và Nhà nước nên làm chuyện có một không hai, chuyện không ai dám làm, ngoại trừ kẻ có hùng tâm tráng chí. Ấy là thực hiện ba nghĩa cử văn minh :

Thứ nhất, chấm dứt vĩnh viễn sự ***gây chiến*** trong ý nghĩ (tư duy) cũng như trong hành động, đối với mọi thành phần dân tộc và tôn giáo ngoài đảng Cộng sản. Sự ***gây chiến*** ấy đã từ lâu hóa trang bằng chủ trương đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản ;

Thứ hai, lấy ngày 30.4. làm "**Ngày Sám hối và Chúc Sinh toàn quốc**". Sám hối với người chết và Chúc Sinh người sống. Các nước dân chủ Tây phương làm cuộc sám hối các

lỗi lầm hằng ngày, qua cơ chế tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do phê phán để chính quyền sửa sai. Một tôn giáo lớn của phương Tây như Giáo hội Công giáo, mà vừa đây đức Giáo hoàng cũng phải làm cuộc Thống hối các sai lầm bức tử và bạo động của Giáo hội dọc hai ngàn năm qua đối với đồng loại và các tôn giáo khác. Có thể nào Đảng và Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa dám khẳng định không vi phạm sai lầm trong 55 năm qua ? Bao nhiêu lời tà oán từ hai cuộc chiến, trong Cải cách ruộng đất, trong Tổng tiến công Tết Mậu thân ở Huế, trong các vùng Kinh tế mới, và tại các Trại tập trung Cải tạo. Dù chối bỏ cách nào chăng, vẫn khó tránh né một thực tế, là oan hồn bị bức tử đếm không xiết. Đảng và Nhà nước hãy xót thương những người chết, hãy nghĩ đến Linh quyền của họ mà Sám hối và làm lễ Cầu Siêu cho vong hồn họ thôi vất vương gọi kêu báo oán.

Linh quyền cho người chết. Nhân quyền cho người sống, đây là ý nghĩa của lễ Chúc Sinh. Xưa các vua chúa Tế Trời mỗi năm ở đàn Nam giao cầu cho quốc thái dân an. Nay ở thời đại mới, Nhà nước nên áp dụng luật pháp bảo đảm các quyền tự do căn bản về dân sự và chính trị cho mọi công dân, như một cách Tế thờ Người.

Thứ ba, ban hành thành Sắc luật trong việc tìm kiếm thi hài kẻ chết trận, dù họ thuộc bộ đội miền Bắc hay binh sĩ miền Nam để chôn cất và trả nghĩa cho gia đình họ khỏi ngậm ngùi; trả tự do cho toàn bộ những người tù vì chính kiến hay tôn giáo ; phục hồi danh dự những kẻ chết oan, và cấp dưỡng xứng đáng những người tàn tật vì chiến tranh, không phân biệt Nam Bắc, chính kiến.

Làm được ba điều nói trên cùng với việc tôn trọng quyền tự do sinh hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, chiến tranh mới thực sự chấm dứt, cuộc lễ 25 năm mới mang ý nghĩa khởi đầu cho cuộc hòa hợp dân tộc thực sự.

Mong lắm thay.

Trân trọng chào quý Ngài.

Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống
Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất
(ký tên)

Tỳ kheo **THÍCH HUYỀN QUANG**

THÔNG ĐIỆP PHẬT ĐẢN 2552 CỦA ĐỨC ĐỆ TỬ TĂNG THỐNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,
cùng Đồng bào Phật tử thân mến,

Hôm nay hàng trăm triệu Phật giáo đồ trên thế giới đang hương hoa trầm đèn tỏ lòng hân hoan chào đón Đức Thích Ca ra đời. Cũng vậy, người Phật tử Việt Nam trong hay ngoài nước, đoàn tụ trước lễ đài vui mừng chào đón Khánh đản và rước Phật vào tâm trí. Hân hoan chào đón cùng phát tâm truyền đạt giáo lý cứu khổ trừ nguy của đức Thế tôn ra khắp mọi nơi và trên quê hương ; chí thành trải rộng con đường vạn lý của Bồ tát hạnh để trang nghiêm thế giới và hòa hợp chúng sinh.

Thưa quý Liệt vị,

Tám năm qua, Phật Đản không còn riêng cho Phật giáo đồ mà trở thành Ngày Tâm linh, Ngày Văn hóa cho toàn thể nhân loại, theo sự công nhận của gần hai trăm quốc gia thành viên LHQ. Sự tôn vinh Đức Phật nở rộ qua những thông điệp hằng năm của LHQ nói lên điều cao cả của Phật giáo :

“Thông điệp của Đức Phật là thông điệp về Hòa bình và Từ bi. Nhưng cũng là thông điệp của sự Tỉnh thức, tức quán chiếu bản thân và hành động của mình đồng thời quán chiếu thế giới. Đây là thông điệp cho những ai quan tâm đến hướng đi và vận mệnh của loài người (*Thông điệp LHQ 2003*). “Dù với nguồn gốc, chủng tộc, văn hóa hay tín ngưỡng nào, chúng ta nên nhớ là chúng ta có một quê hương chung, đó là hành tinh trơ trọi, nhỏ bé, là nơi chúng ta gắn bó và chung sống. Nên chúng ta hãy cùng nhau góp sức đem lại lợi ích chung trong cuộc sống hòa điệu và hòa bình giữa mọi sắc dân trên địa cầu” (*Thông điệp LHQ 2005*). “Hơn 2500 năm qua, bậc Đạo sư Đại giác Thích Ca Mâu Ni vẫn tiếp tục làm kim chỉ nam, mang lại ý nghĩa cho đời sống hàng triệu con người trên trái đất. Hàng năm tổ chức Đại lễ Phật Đản là cơ hội để những người con Phật xác quyết niềm tin vào giáo pháp của Ngài, đồng thời phát huy tinh thần Từ bi, Trí tuệ và Hòa bình mà Đức Phật đã truyền trao” (*Thông điệp LHQ 2007*).

Ba ngàn năm Phật giáo thế giới, hai ngàn năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, là lịch sử chưa bao giờ chấm dứt trong công cuộc giải thoát giác ngộ cho quần sanh, cứu khổ trừ nguy cho nhân dân và đất nước, thức tỉnh Phật tính trong lòng người và dìu dắt chúng sinh lên ngôi Phật. Phật giáo là sự đối diện chứ không quay lưng với xã hội, Phật giáo dẫn thân vào nơi tham tàn, loạn tưởng của xã hội để tịnh độ hoá nhân gian.

Nhìn lại khối người 85 triệu mà chư Tôn đức Tăng Ni đang hoằng pháp lợi sinh, thì thấy kinh tế Việt Nam có chiều phát triển. Nhưng chênh lệch giàu nghèo ngày càng đào

sâu thăm thẳm. Không chênh lệch giữa quốc dân, mà chênh lệch giữa giới quan lại và quần chúng, gây ra cảnh “nước giàu dân nghèo” mâu thuẫn với các khẩu hiệu Nhà nước đề cao.

Về đường tinh thần, mọi tự do cơ bản bị chà đạp, nên tôn giáo không phát triển, tệ nạn xã hội hoành hành và gia tăng. Việc giải thoát giác ngộ không thể xây dựng trên sự nghèo đói và thiếu tự do. Nay lại thêm chuyện lãnh thổ bị xâm lấn khiến lòng người ưu tư khắc khoải. Hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa đang trong cơn hấp hối, mà các nhà lãnh đạo đất nước làm ngơ. Không như thưở trước, dưới các triều Đinh, Lê, rồi Lý, Trần, Lê, từ vua quan, bậc Cao tăng và Phật tử cho đến toàn dân đều một lòng giữ nước. Vì giữ nước mới có đất nuôi dân. Vì giữ dân nên thăng hoa tinh thần và đạo lý làm nên văn hiến nước nhà.

Người Phật tử bồi đắp tâm linh bao nhiêu cho tiến trình giải thoát giác ngộ, thì càng bảo vệ lãnh thổ bấy nhiêu cho chủ quyền của nòi giống tự do thoát ly nô lệ.

Là Trưởng tử của Như Lai, là con của Phật, chúng ta không làm gì khác hơn trong đời này, ngoài việc cứu độ chúng sinh và truyền thừa chánh pháp. Chánh pháp không thể nở hoa nơi giang sơn nô lệ, chúng sinh không thể an lạc nơi áp bức, đói nghèo. Bản hoài xuất thế của chư Phật là xuất hiện nơi trần thế để cứu độ muôn loài.

Cuối năm ngoái, Hội đồng Lương Viện đã ra Tuyên Cáo kêu gọi hợp quần cứu nguy, và Giáo hội sẵn sàng tham gia hậu thuẫn mọi công trình bảo vệ non sông và nòi giống, lẽ phải và tự do. Ấy là biểu hiện ý nghĩa xuất thế đại sự vừa nói trên.

Công việc ngàn năm một thưở đã thành sự thật, là số lượng người Việt đang có mặt đông đảo và sinh sống trên khắp địa cầu. Kính xin chư Tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử hãy gieo rắc hạt giống Chánh pháp của nền Phật giáo dân tộc, đóng góp cho hòa bình thế giới nhằm ngăn chặn các hành xử bất bao dung của những ý thức hệ bạo động và khủng bố. Xu thế toàn cầu của sự đối thoại và cộng tác ngày nay đang cần giáo lý từ bi và trí tuệ của đạo Phật để thăng tiến. Đồng bào Phật tử trên khắp năm châu càng rạng rỡ bao nhiêu thì càng chiếu rọi trở về nơi quê hương cho nước Việt sớm huy hoàng.

Nhân mùa Phật Đản năm nay, xin chư liệt vị hãy hóa thân vào nền văn minh của trí tuệ Bát Nhã, làm bản tâm cho bậc nhân đức cứu nguy đất nước và loài người. Chẳng ai thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử đang ngày đêm làm rối loạn thể chất thể nhân. Nhưng với người thực hành Bồ tát đạo, thì sinh, lão, bệnh, tử lại là phương tiện tinh giác tiến hành cho sự lợi ích và giác ngộ muôn loài. Bằng cách đó mà chúng ta cúng dường ngày Phật Đản sanh.

Tu viện Nguyên Thiều, Phật Đản năm Mậu Tý
Đệ tứ Tăng Thống
Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất
(Ấn ký)
Tỳ kheo **THÍCH HUYỀN QUANG**

MEMORIAL SERVICE
for the Most Venerable THICH HUYEN QUANG
Fourth Supreme Patriarch
of the Unified Buddhist Church of Vietnam

PROGRAMME

SATURDAY 17 JULY 2010

- 10.00AM** : Dharma talk by Most Venerable Thich Ho Giac, Deputy Patriarch of the Unified Buddhist Church of Vietnam.
- 12.00AM** : Lunch.
- 2.00AM** : Dharma talk by Most Venerable Thich Chanh Lac, Vice President of the UBCV Institute for the Dissemination of the Dharma (Viện Hóa Đạo).
- 4.00AM** : Book launch: *“For Buddhism and the People - the Life of UBCV Patriarch Thich Huyen Quang”*.
- 6.00PM** : Dinner.
- 7.00PM** – Remembering Patriarch Thich Huyen Quang -testimonies by UBCV monks, nuns and followers who shared his life and work.

SUNDAY 18 JULY 2010

- 8.00AM** : Photo Exhibition on Patriarch Thich Huyen Quang.
- 10.00AM** : **MEMORIAL CEREMONY**
- Saluting the Flag and Silent Remembrance.
 - Remarks by the Organizing Committee.
 - The Legacy of late Patriarch Thich Huyen Quang, by Most Venerable Thich Ho Giac, UBCV Deputy Patriarch.
 - Eulogy by the Overseas Office of the Institute for the Dissemination of the Dharma, read by Most Venerable Thich Chanh Lac, Viện Hóa Đạo Vice-President.
 - Prayer service in Theravada and Mahayana traditions
 - Remarks by distinguished guests.
 - Closing remarks.
- 12.00PM** : Lunch
- 2.00PM** : Public Debate on “The Life and Legacy of UBCV Patriarch Thich Huyen Quang” with Mr. Vo Van Ai, UBCV International Spokesman and Ms Y Lan Penelope Faulkner, International Buddhist Information Bureau, Paris.
- 6.00PM** : Concluding remarks.

Biography of
The Most Venerable THICH HUYEN QUANG

Fourth Supreme Patriarch
of the Unified Buddhist Church of Vietnam

19 September 1920 – 5 July 2008

*"I have lived without a home, will die without a grave,
I walk without a path and am imprisoned without a crime"*

(Thich Huyen Quang)

The 4th **Supreme Patriarch Thich Huyen Quang** of the Unified Buddhist Church of Vietnam (UBCV), who died on 5th July at the Nguyen Thieu Monastery in Binh Dinh, was one of Vietnam's most beloved and respected spiritual leaders. He was also a determined opponent of tyranny in all its forms. For his uncompromising determination to stand firm, he paid a high price, spending over half his life in prison, internal exile or under house arrest under a succession of political regimes. Together with the Most Venerable Thich Quang Do, Thich Huyen Quang waged three decades of peaceful opposition to the Communist regime, becoming a symbol of the non-violent Buddhist movement for religious freedom and human rights. But he was also a great peacemaker and a man of dialogue, seeking every opportunity towards harmony and the healing of divisions in a Vietnam torn by war and conflicting ideologies. In April 2003, he was received in Hanoi by Vietnamese Prime Minister Phan Van Khai to discuss the situation of Buddhism. This was the first time a political prisoner had ever been received by a top government official in Communist Vietnam.

- Born on **19 September 1920** in Binh Dinh, secular name **Le Dinh Nhan**, Thich Huyen Quang was a brilliant scholar, winning first place in all his studies. He became a monk at the age of 12, and from a very young age, he vowed to combat injustice and win freedom for his country through the Buddhist ideals of salvation, tolerance and compassion.

In **1945**, he took part in the resistance movement for independence against French colonial rule, and was Vice-President of the Buddhist Movement for National Salvation in Interzone 5. Arrested by the Viet Minh revolutionary forces in 1951 because he refused to submit religious activities to Communist control, he was imprisoned for 4 years in Quang Ngai, and released in 1954, just one month before the Geneva Agreement.

In **1963**, he took part in the Buddhist struggle against religious discrimination, calling for the abrogation of Colonial Decree No. 10. This Decree, adopted by the

French and maintained by President Ngo Dinh Diem, recognized only Roman Catholicism as a “Church”, whilst Buddhism and all other religions were reduced to the status of a mere “association”. Along with thousands of Buddhist monks and nuns, he was arrested on the night of **20.8.1963** in a massive Police sweep launched by the Diem government in Hue and Saigon.

Thich Huyen Quang was released after the fall of the Diem regime on 1.11.1963. Decree No. 10 was then repealed, and Buddhism regained its religious rights. At a Congress in Saigon on 31.12.1963 - 4.1.1964, the **Unified Buddhist Church of Vietnam** (UBCV) regained its legitimate status. Adhered to by 80% of the population, the UBCV represents a 2000-year tradition of Vietnamese Buddhism and has the unique characteristic of uniting Buddhism's two principle schools, the Northern School (Mahayana) and the Southern School (Theravada) into one congregation.

Thich Huyen Quang was appointed Secretary-general of the UBCV's Executive Institute (*Vien Hoa Dao*, the Institute for the Dissemination of the Dharma) and Commissioner for Lay-Buddhist affairs.

During the Vietnam War, Thich Huyen Quang actively engaged in the Buddhist peace movement. He represented the UBCV at several international conferences, such as the World Conference of Religions for Peace (Japan, 1970), World Council of Churches (Geneva, 1972), the 2nd World Conference of Religions for Peace (Brussels, 1974). In 1974, he was appointed Vice-President of the UBCV's Executive Institute *Vien Hoa Dao*.

It was after the communist victory on **30.4.1975** that Thich Huyen Quang embarked on his longest combat, and a cycle of imprisonment and exile that would last more than 26 years. After 1975, the authorities immediately launched a fierce campaign to suppress Buddhism in South Vietnam. UBCV property was confiscated, its institutions dismantled, its followers arrested.

Repression reached such a height that in **November 1975** in the province of Can Tho, twelve UBCV monks and nuns immolated themselves to call for an end to religious persecution. Thich Huyen Quang and the UBCV leadership strongly protested against the government's policy of religious persecution.

On 6.4.1977 he was arrested along with Thich Quang Do, Thich Thien Minh and other UBCV leaders, and detained in solitary confinement in Phan Dang Luu Prison in Saigon for 18 months. Following strong international protests, they were put on trial on **10.12.1978**, sentenced to 2 years suspended sentence and house arrest, then released. The same year, Thich Huyen Quang and Thich Quang Do were nominated for the Nobel Peace Prize by Irish laureates **Betty Williams** and **Mairead Maguire**.

Having failed to suppress Buddhism by force, the government decided to place it under strict government control. In 1981, Vietnam founded the “Vietnam Buddhist Church”, controlled by the Communist Party's Vietnam Fatherland Front to supplant the UBCV. Because they strongly protested this, Thich Huyen Quang and Thich Quang Do were both arrested on **25.2.1982** and sent into internal exile without any due process of law. Police simply said: “*Your religious activities are tantamount to political activities.*” Thich Huyen

Quang was placed under house arrest at the remote Quang Phuoc pagoda in Nghia Hanh village, Quang Ngai Province, strictly forbidden to exercise religious activities. Thich Quang Do was sent into exile in Vu Doai village in Thai Binh, Northern Vietnam. Conditions in Quang Ngai were extremely harsh. Thich Huyen Quang lived alone, without any disciples to assist him. During periods of frequent flooding, water inundated his room and he was obliged to sleep on the table. He had no access to medical care. Despite these harsh conditions, he continued to challenge the government on issues of religious freedom and human rights. He was adopted by Amnesty International as a prisoner of conscience in 1990, and declared a "Victim of Arbitrary Detention" by the UN Working Group on Arbitrary Detention in Geneva in 2001 and 2005.

On **23.4.1992**, the UBCV's 3rd Supreme Patriarch Thich Don Hau died in Hue. In his will, he appointed Thich Huyen Quang as his successor. In defiance of the government ban, Thich Huyen Quang staged a hunger strike and broke out of house arrest to attend the funeral at the Linh Mu Pagoda in Hue, where he was handed the official seal and solemnly pronounced as the UBCV's new leader. Before the late Patriarch's coffin, he solemnly pledged: *"Whatever hardships I encounter, I will never be shaken in my quest to re-establish the right to existence of the Unified Buddhist Church of Vietnam"*.

The Communist authorities strongly opposed his appointment, and launched a virulent campaign against Thich Huyen Quang. Two "Top Secret" and "Ultra-Secret" Communist Party documents (Ref. 125/TUDV, 17.8.1992 and 106/PA 15-16, 18.8.1992) were issued by top VCP echelons denouncing the *"malicious and illegal activities of Huyen Quang and his accomplices"* and calling on Police and Party members to *"spare no efforts in the struggle against Huyen Quang"* and *"chop off the arms and legs"* (sic) of the UBCV. Police cut off the microphone, but Thich Huyen Quang's eloquent Oration heard loud and clear.

Following the publication of these documents, Security Police launched a nation-wide crackdown against UBCV clergy and supporters, raiding homes and pagodas and confiscating Buddhist literature. Anyone found in possession of Thich Huyen Quang's speeches was arrested. This sparked off renewed protests, culminating in a demonstration of 40,000 Buddhists for religious freedom in Hue on **24.5.1993**, the largest ever public demonstration in Communist Vietnam.

On **20.11.1993**, from house arrest, Thich Huyen Quang issued a landmark 12-point **"Buddhist Proposal for Democracy and Human Rights"**. This was a turning point for the UBCV. Whereas the Buddhists had limited their demands to religious freedom, Thich Huyen Quang called for fundamental political reforms such as free elections, a multi-party system, and the end of the Communist Party's political monopoly.

"The abolition of Article 4 (of the Constitution on the VCP's political mastery) does not imply the exclusion or the dissolution of the Communist Party... [it will] stimulate the participation of all sectors of the population, regardless of their political affiliations or religious beliefs [and] foster competition as a mutually reinforcing

relationship, not as a race to oust one's opponents. After all, whether our compatriots be communists or members of any other political party, they are first and foremost Vietnamese. Our common heritage of 5,000 years' civilization will form the basis for future dialogue and co-operation, and we will be bound together in one common aim - that of forging a place within the community of nations for a stable, flourishing and prosperous Viet Nam" .

Thich Huyen Quang's **Proposal** defined the Buddhist vision of a just and open society, and underlined the UBCV's resolve to struggle not only for religious freedom and Church independence, but also for the fundamental rights and freedoms of Vietnamese people as a whole. He also stressed the role of Buddhism and religious movements this process:

"After 50 years of devastating war waged in the name of conflicting, imported ideologies, religious movements alone possess an unparalleled capacity to temper hatreds, defuse conflict and restore moral values in a society plunged in a spiritual and moral crisis. As such, they have a vital role to play in the reconstruction of our country..."

The international community made numerous appeals for Thich Huyen Quang's release. In **May 1998**, Nobel Peace Prize laureates **H.H. the Dalai Lama** (Tibet), **Mairead Maguire** (Ireland), **François Jacob** (France) and **Jose Ramos-Horta** (East Timor) formed a "Nobel Laureates Committee for the release of Thich Huyen Quang and Thich Quang Do" and launched a joint appeal to the Vietnamese authorities. UN Special Rapporteur on Religious Intolerance, Abdelfattah Amor, asked to visit Thich Huyen Quang during an investigative mission to Vietnam, but the Hanoi authorities refused. In **1999**, he received a visit from David Young, Political advisor to the US Embassy in Hanoi. He was the first Westerner Thich Huyen Quang had met in 17 years, since his internal exile in 1982. In **2003**, the Czech Foundation "People in Need" awarded Thich Huyen Quang the "*Homo Homini Prize*", under the auspices of President Vaclav Havel. Unable to attend the ceremony in Prague, the prize was received by UBCV spokesman Vo Van Ai.

On the occasion of the 25th Anniversary of the end of the Vietnam War, in **April 2000**, Thich Huyen Quang sent an Open Letter to the Vietnamese leadership calling on them to proclaim 30th April (day of the Communist victory) a "**Day of Repentance**", on which the Communist Party should publicly apologize for the deaths of hundreds of thousands of people in the North Vietnamese Land Reforms, the Tet Offensive in Hue, in the reeducation camps after 1975, or who perished as Boat People on the South China seas in their flight for freedom. Calling for "*sacred rights for the dead, human rights for the living*" Thich Huyen Quang also called for the repeal of Decree 31/CP on "administrative detention" and other national security laws.

In **March 2003**, suffering from a growth on his eye which was feared to be cancerous, he was allowed out of house arrest for the first time to receive treatment in Hanoi. In K hospital in Quan Su Street, he received several diplomatic visits from the US Embassy, the

EU delegation, as well as from Vietnamese officials such as the Chairman of the Vietnam Fatherland Front. He was told that the Prime Minister Phan Van Khai wished to meet him. At this time, 31 Members of the European Parliament and 37 Members of the US Congress wrote to the Vietnamese leadership calling for his immediate and unconditional release.

On **2 April 2003**, he was received for talks by Prime Minister Phan Van Khai. This was the first time that a political prisoner was received by a top-ranking Communist official. Prime Minister Khai admitted that the Communist Party had made “mistakes” towards Buddhism and asked Thich Huyen Quang to “show compassion”. The meeting was widely covered by the State-controlled press, and seemed like a first step towards dialogue and closer understanding. However, the Prime Minister made no formal promises, and when Thich Huyen Quang asked about the re-establishment of the UBCV, Phan Van Khai replied: “*We already have the VBC. One Buddhist Church is enough*”.

Thich Huyen Quang made a stop in Hue on his way back to Quang Ngai on **7 April 2003**. Although he had not announced his visit, crowds of Buddhists thronged to meet him at the station, and carried him shoulder-high through the crowds. Thich Huyen Quang was hailed as a leader both by UBCV Buddhists and dignitaries of the State-sponsored Vietnam Buddhist Church. Alarmed by this strong upsurge of public support, the authorities and Security Police immediately cut short his visit and placed Thich Huyen Quang back under house arrest in Quang Ngai. He was later authorized to travel to Saigon, accompanied by Security Police, where he met his friend and Deputy leader Thich Quang Do. Because of his frail health, the authorities allowed him to continue house arrest at the Nguyen Thieu Monastery in Binh Dinh, which he had founded himself, instead of the remote Quang Phuoc Pagoda in Quang Ngai.

On **1st October 2004**, Thich Huyen Quang resolved to test Prime Minister Khai’s promises of dialogue and reconciliation by calling an Assembly at the Nguyen Thieu Monastery in Binh Dinh. This was the first time in 25 years that UBCV dignitaries had held a meeting in Vietnam, and 60 senior UBCV monks travelled from all over the country to attend. The UBCV appointed new leadership of 41 UBCV monks and nuns, and devised strategies of action to re-establish the Church’s legitimate status and pursue the movement for religious freedom and human rights. As Thich Huyen Quang, Thich Quang Do and other UBCV leaders left the meeting in a mini-van to travel to Saigon, they were intercepted by Police and prevented from leaving Binh Dinh. Thich Huyen Quang and Thich Quang Do staged an immediate hunger strike in the van. As a result of their actions, and the strong international pressure which followed, they were allowed to leave Binh Dinh. However, as they arrived at Luong Son, just 40 kilometres from Nha Trang, their vehicle was intercepted by Police. Thich Huyen Quang and Thich Quang Do were interrogated for 8 hours, then accused of “*possessing State secrets*” and placed under house arrest at their Monasteries, respectively the Nguyen Thieu Monastery in Binh Dinh and the Thanh Minh Zen Monastery in Saigon. Several other UBCV leaders were also detained and

placed under house arrest without trial. Thich Huyen Quang was forcibly escorted back to Quang Ngai.

This brutal crackdown triggered off outrage in the international community. Two strong resolutions were issued almost simultaneously by **the U.S. Congress (HR 427, 19.11.2003)** and the **European Parliament (20.11.2003)** condemning the crack-down, commending the UBCV's 2000-year tradition of tolerance and compassion, and calling for the immediate release of all UBCV leaders. This repression against the UBCV was one of the main factors that prompted the USA to place Vietnam on its blacklist of "Countries of Particular Concern" for gross religious freedom violations in 2004, and again in 2005. In the following period, many similar resolutions were adopted in the EP, US Congress and many national parliaments calling for the release of Thich Huyen Quang and Thich Quang Do, and for the right to existence of the banned UBCV.

Because of the crackdown, the decisions taken at the UBCV Assembly in Binh Dinh could not be made public in Vietnam. The UBCV's Overseas Office therefore decided to hold a Special Congress in Melbourne, Australia from 10-12 October 2003 to announce the UBCV's new leadership and hold a solemn ceremony to officially proclaim Thich Huyen Quang as UBCV Fourth Supreme Patriarch. Although he received this title in 1992 from the late Patriarch Thich Don Hau, it had been officially proclaimed because of continuous repression. The Hanoi authorities were furious about this, and the Vietnamese Ambassador formally complained to Australia for having allowed the UBCV to hold this Congress on Australian soil.

From **2004-2008**, the authorities maintained Thich Huyen Quang in virtual isolation at the Nguyen Thieu Monastery. He was prohibited from travelling, his communications cut, and all visits monitored. Security Police specifically prohibited him from receiving any visits from Thich Quang Do. Although Thich Huyen Quang was never formally indicted for "*possessing state secrets*", the accusation was never lifted, and he was maintained under strict surveillance and control. Thich Quang Do was systematically arrested each time he tried to visit Thich Huyen Quang for the Lunar New Year, or during the Patriarch's frequent periods of hospitalisation in Binh Dinh. Whereas US Ambassador Michael Marine and his wife visited the UBCV Patriarch in the Quy Nhon hospital in November 2004, Thich Quang Do and his UBCV delegation were intercepted by Police in Trang Bom, 50kms from Saigon, as they attempted to visit the Patriarch, and forcibly returned to Saigon.

On **21.2.2005**, Thich Huyen Quang wrote an Open Letter to the Vietnamese leadership expressing his indignation that Vietnam continued to repress the UBCV, yet received with great pomp and ceremony the France-based Buddhist monk Thich Nhat Hanh and his delegation in Vietnam. He also refused Thich Nhat Hanh's request to visit him at the Nguyen Thieu Monastery. He esteemed that Thich Nhat Hanh's visit gave the international community a false impression of the situation of religious freedom in Vietnam. In his letter, he said his meeting with the Prime Minister had given him hopes of a new dialogue until

the October crackdown. *“After that, my doubts turned to bitter disappointment. I saw clearly that the government was continuing the same, immutable policy of religious intolerance”.*

Whilst maintaining Patriarch Thich Huyen Quang under isolation in Binh Dinh, the Vietnamese authorities stepped up efforts to entice or pressure him to integrate the State-sponsored Vietnam Buddhist Church and renounce the outlawed UBCV. Knowing Thich Huyen Quang’s aspirations for Buddhist unity, they tried to persuade him to play a unifying role by accepting the leadership of the State-sponsored VBC. However, well aware of the VCP’s real intentions to suppress the UBCV, Thich Huyen Quang systematically refused all these proposals. On **5.5.2007**, the Vice-Minister of Public Security Nguyen Van Huong visited him in Binh Dinh to re-affirm this proposal. The meeting was falsely reported in the State-controlled press as a positive gesture by Thich Huyen Quang to the communist regime. In reality, as Thich Huyen Quang told IBIB Director Vo Van Ai, the meeting was purely formal. *“Don’t believe what you read in the communist press”*, he said, adding that he had turned down all proposals to take up a post in the VBC. On **29.8.2007**, Major-general Tran Tu from the Ministry of Public Security’s Department A41 (on religious and security affairs) visited the Thich Huyen Quang. He denounced the recent activities of Thich Quang Do in support of farmers’ and peasants’ protests against State confiscation of land, and warned Thich Huyen Quang that the State perceived such acts as *“fomenting rebellion”*. He prohibited Thich Huyen Quang from receiving Thich Quang Do or organising any UBCV meetings in Binh Dinh. At the same time, Major-general Tran Tu invited Thich Huyen Quang to become Head of the [State-sponsored] Vietnam Buddhist Church at its 6th Congress in Hanoi in December 2007, and attend the International UN Day of the Vesak hosted by Hanoi in May 2008. The UBCV Patriarch refused. **In December 2007 Thich Huyen Quang** again received an invitation to attend the VBC Congress and UN Vesak Day in Hanoi, relayed by Security Police. He again refused, stating that it was *“more like a Police summons than a genuine invitation”*.

During his house arrest in Quang Ngai, Thich Huyen Quang once said: *“I have lived without a home, will die without a grave, I walk without a path and am imprisoned without a crime”*. True, this resumes the solitary conditions of his life. But Thich Huyen Quang will not die without a grave. Today, thousands of UBCV monks, nuns and lay-followers are braving government pressure to organise his funeral and bury him as their loved and respected leader. And he did not walk without a path. Thich Huyen Quang’s legacy to the Vietnamese people is precisely this quest for dialogue and peaceful opposition to tyranny that he followed unwaveringly all his life. This path will lead to freedom and democracy for the people of Vietnam.

Letter to Vietnam's leaders on the 25th Anniversary of the End of the Vietnam War : the Communist Party should make 30th April a "National Day of Repentance and Commitment"

**UNIFIED BUDDHIST CHURCH OF VIETNAM
INSTITUTE OF THE SANGHA**

Nghia Hanh, 21 April 2000

Mr. Le Kha Phieu, Secretary-general, Vietnamese Communist Party,
Mr. Tran Duc Luong, President of the Socialist Republic of Vietnam
Mr. Phan Van Khai, Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam
Mr. Nong Duc Manh, President of the National Assembly

Dear Sirs,

Throughout the past month, the [Communist] Party and the State have begun celebrating the Anniversary of the end of the Vietnam War on 30 April 1975. "*Great Spring Victory*", "*Liberation of South Vietnam*", "*Reunification of the Country*", "*Independence and Peace*" are the topics of their celebration.

On behalf of the Institute of the Sangha and the Supreme Bicameral Council of the Unified Buddhist Church of Vietnam, I am writing to raise issues that the Party and the State will probably not see fit to mention during this 25th Anniversary Celebration.

There are two matters I would like you to think about in particular : the fate of all those who died or were wounded at war, and the rights of all those who are alive, yet who are deprived of their fundamental freedoms, civil liberties and human rights.

According to official State statistics, 3 million people were killed during the Vietnam War and the remains of 300,000 (North Vietnamese) soldiers missing in action have never been found. In reality, the numbers are significantly higher, not counting the millions of wounded and disabled, the millions of families who lost their children on the battlefields and yet have never been offered any gesture of support or adequate compensation.

These figures take no account of the massive numbers of soldiers of the Republic of [South] Vietnam who were killed or disabled in the War – your Government has never considered them as your citizens, even though the war is long over and cold-war bipolarity is dead and gone. Nor do these figures count all the innocent people brutally murdered or tortured during the Land Reforms [in North Vietnam] - at least 700,000 according to the secret admissions of Party cadres in charge of enforcing this policy. Nor the civilians massacred during the [1968] Tet Offensive, particularly the people of Hue. Nor the 100,000

or more people summarily executed in reeducation camps [after 1975] and over one million Boat People who perished on the seas in their quest for freedom. What suffering and sorrow in this simple list of figures !

Those are my concerns about those who have lost their lives, and all those who were wounded and are now condemned to live in exclusion and neglect.

As for the rights of those who are alive, and are entitled to enjoy full freedoms and civil rights, I suddenly recall the words of President Ho Chi Minh: *"Independence without freedom and happiness is no independence at all"*. This apt comment resumes the situation in Vietnam today, where 80% of the rural population and workers live in utmost poverty and hunger. A veneer of affluence is visible in some of the big towns, but this is only part of a decor aimed at luring tourists and Western diplomats with a view to attracting foreign economic aid. This kind of affluence is the product of corruption and fraudulent marketeering, not the stable, prosperous development of a peaceful and caring society.

To evaluate the prosperity and decline of a nation, one needs simply to look at the everyday life of an ordinary citizen, a member of a social group or a religion. In our country today, all [independent] social groups or religions are denied the right of existence by article 4 of the Constitution which enshrines the supremacy of Marxism-Leninism and the political monopoly of the Vietnamese Communist Party. All activities by noncommunist social groups and religions are outlawed and suppressed.

At the dawn of the 21st Century, Vietnamese citizens have the choice between only two options : to go to prison or to toe the Party line.

This is a sad choice indeed. Those who toe the Party line must abandon their true identity. They have mouths, but cannot speak, have brains but cannot think, have hearts but cannot love their people or their country as they choose.

Those who end up in prison or reeducation camp have freedom to think and speak - but only to themselves. They have the freedom to strut and fret within their living tombs, doomed to oblivion, completely excluded from society and the community at large. What kind of freedom is this, where human dignity is totally disintegrated? It is the freedom of worms, writhing and squirming in the depths of the earth.

Dear Sirs

I, an 83-year-old Buddhist monk, have never been allowed to freely practice the Buddha's teachings of Compassion and spread them to my people. From the time of the Democratic Republic of [North] Vietnam to the present-day Socialist Republic of Vietnam, I have known nothing but the smell of prison cells.

Why is it that an ordinary citizen, a religious person like myself, is forbidden to live in freedom ? And through my example, a Buddhist Church founded by the people, heir to a 2,000-year tradition, namely the United Buddhist Church of Vietnam, is denied the very right to existence, despite the guarantees enshrined in the United Nations International Covenant on Civil and Political Rights [to which Vietnam is a state party].

My question does not arise from a personal grudge or complaints about my own religious organization. It is a soul-searching question about the very future of the Vietnamese civilization, a question of life and death for every Vietnamese citizen. As a victim and witness to history over the past 55 years, I want to see my country change whilst I am still alive. I do not wish to leave this world with the image of an intransigent regime which persists in its policies of discrimination, represses freedom of religion, freedom of speech, freedom of the press, freedom of assembly and association, and all other basic human rights.

In 1950, I was living in Interzone 5 when President Ho Chi Minh launched the Land Reforms. I remember listening to the political cadres and the loudspeakers blaring out night and day, inciting the people to exterminate five elements of society: *"the intellectuals, rich merchants, landowners, village notability and religious hoodlums"*. We have only ten fingers and they chop off five - what will we have left ?

In 1951, Mr. Nguyen Duy Trinh, Chairman of the Resistance Administration Committee of Interzone 5, representing the Central Government in Hanoi declared : *"It's time to toll the knell of Buddhism"*. Mr. Trinh specifically singled out Buddhism and made no mention of the other religions. Subsequently, in 1952, the Resistance Government forced Buddhists to abandon Buddhist structures and join organizations such as the *Lien Viet*, a satellite organization of the [Communist] Party. I opposed this and was immediately arrested and imprisoned in Quang Ngai. Our "Buddhist National Salvation Association" was disbanded. It was only in 1954, thanks to the Geneva Agreement and the ceasefire that I was released. My release papers bore no inscription of the alleged crime for which I had been detained.

After 30 April 1975, when the Revolutionary Government took power, everybody believed that all components of society and people from all walks of life would be able to live and work freely in a spirit of reconciliation as guaranteed in the Paris Peace Accords. But no, history repeats itself. The Buddhists, who account for the large majority of the population, and the Unified Buddhist Church of Vietnam (UBCV), with its vast structure and long-standing popular tradition, became the primary victims of discrimination and repression. This happened despite the UBCV's unwavering commitment to serving the people, promoting peace and compassion, succoring all those who suffer.

The policy of discrimination and repression took many forms. Monks and nuns were forced to abandon the orders, deported to New Economic Zones, forcibly drafted into the army and sent to fight in Kampuchea or imprisoned in reeducation camps. In Saigon and other cities and provinces all over South Vietnam, Buddhist monasteries, Pagodas and residential buildings were confiscated by the authorities. All cultural, educational, social and economic institutions were dismantled or seized, such as Van Hanh university, the network of "Bo De" primary and secondary schools, the School of Youth for Social Services, all charities, kindergartens and orphanages ; property and land was confiscated, Buddhist sutras were seized and destroyed.... Repression reached such a height that 12

monks and nuns self immolated at the Duoc Su temple in Can Tho on 2 November 1975 to call for an end to persecution and the right to religious freedom.

On 20th September 1975, I wrote a letter on behalf of the Institute for the Propagation of the Dharma (Ref. 0278-VHD/VP) to the Chairman of the Provisional Revolutionary Government of South Vietnam c/o General Tran Van Tra, chairman of the Saigon-Gia Dinh Military Administration Committee. In the letter, I called for an immediate end to the destruction of Buddha statues. I specifically raised three concrete cases, that of :

- ◆ a Buddha statue at Buu Long Temple in Soc Trang smashed to pieces on 2.9.1975 ;
- ◆ a 9-metre statue of Avalokiteshvara (Kuan Yin) on Phu Hai hill, Phan Thiet, blown up by mines on 11.09.1975 ;
- ◆ a statue of Avalokiteshvara (Kuan Yin) at Bien Ho, Pleiku, blown up by mines on 11.09.1975.

As the situation continued to deteriorate, on 17th March 1977, I wrote again on behalf of the Institute for the Propagation of the Dharma, to Prime Minister Pham Van Dong to denounce the policy of systematic repression of religion in former South Vietnam. I appended a list of 88 concrete cases of repression and forced occupation of UBCV institutions in 29 provinces and cities : Phu Bon, Long Khanh, Khanh Hoa, Nha Trang, Da Nang, Quang Ngai, Binh Thuan, Soc Trang, Chuong Thien, Saigon, Thu Duc, Long Chau Tien, Kien Giang, Tuyen Duc, Gia Lai, Kontum, Pleiku, Ban Me Thuot, Dinh Tuong, Phan Thiet, Binh Tuy, Hau Giang, Kien Phong, Thuan Hai, Dong Nai, Binh Chanh, Bien Hoa, Long An and Minh Hai.

By early 1977, nearly twenty statues Sakyamuni Buddha and Kuan Yin were destroyed by explosives, smashed by hammers, dismantled or thrown into rivers. This happened, for example, in UBCV Pagodas in the provinces of Gia Lai, Kontum, Ban Me Thuot, at Van Hoa Pagoda in Kien Giang, Khanh Minh Pagoda in Can Giuoc, Thien Ton Pagoda in Minh Hai, the Buddhist Meditation Centre in Nguyen Van Nhut hospital, etc.

On his return from North to South Vietnam, seeing the widespread violations of human rights in general and the persecution of Buddhists in particular, the former Supreme Patriarch Thich Don Hau spoke of his exasperation in a tape-recording which I still keep here. He said : *"the South Vietnamese people's solidarity, love and respect [for the Revolutionary Government] lasted just 10 days. After 10 days of "liberation", solidarity was shattered, love turned into bitter hate, respect gave way to contempt and scorn."*

Despite such devastating repression, the Institute for the Propagation of the Dharma continued to think about contributing to the reconstruction of the country after the war. We thought about reunifying Buddhists in the North and South, just as they were before the country was partitioned by the Geneva Agreement [in 1954]. We saw unification as a means of restoring spiritual values, protecting our people's peace, healing the wounds inflicted by discord and conflict, and eliminating social evils.

Our Institute requested Supreme Patriarch Thich Don Hau to meet Mr. Nguyen Van Hieu, Minister of Culture and put forward the UBCV's case. Mr. Hieu stated that unification was fine, but not unification with reactionary Buddhists. When asked who the reactionary Buddhists were, Mr. Hieu did not reply. Was it because Mr. Hieu and the revolutionary government did not want Buddhists from North, Central and South Vietnam to unify in the Dharma, but only aimed at forcibly "unifying" them with the political regime ?

Those who refused to transform Buddhism into a political tool were immediately arrested, imprisoned and subjected to all kinds of unjust accusations. That was the situation in 1977 when the high and middle ranking leaders of the Institute of the Propagation of the Dharma, such as Venerables Thich Thien Minh, Thich Quang Do, Thich Tri Giac, Thich Thong Hue, myself and others, were imprisoned at Phan Dang Luu prison. At the end of 1977, Venerable Thich Thien Minh was tortured to death in prison. Our Church's request to take his body for funeral arrangements was refused.

Two years later, we were all put on trial, but we never found out what charges were laid against us. We were simply allowed to listen to the accusations and verdicts pronounced against us, but had no right to defend ourselves, nor have access to defense lawyers like citizens in civilized, law-abiding countries. Some of us were discharged, some given suspended sentences, some condemned to 2, 3 and 7 years' imprisonment.

At the end of 1981, the Party and State set up a State-sponsored Buddhist organization to serve as a political tool, discarding the spirit of unification which forms the very essence and specificity of Buddhism in Vietnam. Since the launching of the Buddhist Renaissance Movement in the early part of the 20th century and throughout the past 70 years, we had devoted all our energies to the unification of the people's Buddhism. Yet now, the State had moulded and propped up a State-sponsored Buddhist Church against our wish. We therefore protested. Religious matters should be left to members of the Sangha and lay-Buddhists to decide. Why should the Party interfere in the organizing and decision making in lieu of the Sangha and the masses of Buddhist followers? The Party and State-run media rely on a few well-known Buddhist monks as window dressing to placate the people and deceive international opinion. Apart from those who falsely pose as members of the Sangha, almost all the monks [in the State-sponsored VBC] were either pressured into joining, coerced, intimidated, or just feigned innocent so they could carry on [practicing Buddhism] undisturbed. As a result, Buddhist followers all over the country were confronted with the painful scene : that of a State-sponsored Church already dead but not yet buried! And that of the people's church (the Unified Buddhist Church of Vietnam), buried alive, but not yet dead!

The Buddhist Church is the assembly of those who share the same devotion to Truth, Goodness and Beauty, and a common determination to liberate all beings from suffering. It should not be the place to vociferate political slogans such as "*long live this...*" or "*down with that...*" all day. This is why we Buddhists categorically refused, both in form and in

substance, the creation of a State-sponsored Church to be used as a political instrument. And so, on 25 February 1982, I received Decision No. 71/QD-UB from the People's Committee of Ho Chi Minh City, signed by Mr. Nguyen Minh Dam, Deputy Director of the Municipal Security Police and Mr. Le Quang Chanh, on behalf of the Chairman of the Municipal People's Committee, expelling me from Saigon. I was arrested and forcibly escorted to the province of Nghia Binh, where I have been under house arrest from that time until now.

The Decision named my crime as "*taking advantage of religion to undermine the people's solidarity (...), endangering the security and public order of the city*". With what authority did the Municipal People's Committee decide to arrest and exile me, a Buddhist monk and a [Vietnamese] citizen, without any Court judgement? Is this how they demonstrate their respect for the rule of law? At the same time as me, Most Venerable Thich Quang Do was also arrested and forcibly exiled to his native province of Thai Binh in North Vietnam, where he was also placed under house arrest.

In 1992, the Patriarch Thich Don Hau died at the Linh Mu Pagoda in Hue. At the end of April that year, I asked permission to go to Hue for his funeral together with high and middle-ranking members of the Sangha and lay-Buddhists from Southern, Central and Northern Vietnam. At the Funeral, in accordance with the testament of the late Patriarch Thich Don Hau, I was appointed, by the Members of the Sangha there present, to the position of Acting Head of the Institute for the Propagation of the Dharma (*Vien Hoa Dao*). I, together with the two Most Venerables Thich Quang Do and Thich Phap Tri, were thus appointed to lead the Church. Our tasks were to advocate the right to existence of the Unified Buddhist Church of Vietnam, and to organize the 8th Congress to reinforce the UBCV's infrastructure and increase the number of monks and nuns propagating the Dharma and administering the people's welfare.

Having received the seal and credentials of the Church and the responsibility assigned by the Sangha, and upon my return to Quang Ngai, I wrote the "9-Point Letter of Claims" dated 25 June 1992 with nine specific requests to the Secretary General of the Party, the President of the National Assembly, the President of the State Council, the President of the Council of Ministers, the President of the Supreme Court and the President of the Fatherland Front.

Strange as it may seem, my letters were never answered. Not once did I receive a reply, either to that or to any other letters I wrote before and afterwards. The Party and the State always proclaim that socialist democracy is a million times more democratic than the democracies of the Western capitalist nations. Why, then, do you pay no heed to the people's cries for help? Does the propaganda slogan of the Party and the State "*the people are informed, the people take action, the people control*" still have any meaning?

However, an indirect reply to my complaints arrived in the form of two documents classified "*Top Secret*" (Ref. 125/TUDV) issued by the CPV Propaganda and Mobilization Department and "*Absolutely Secret*" (Ref. 106/PA 15-16) issued by the Ministry of the

Interior in 1993. These documents gave directives to the security police and religious cadres to "chop off the arms and legs" of the Unified Buddhist Church and use "religious decrees, and the code of law" to isolate me and oppose UBCV monks and nuns. They referred to us in these documents by the somewhat discourteous and politically ill-contrived term of "reactionary Buddhists of An Quang Pagoda"!

Reactionary or not reactionary is merely the way the Party divides up between friends and foes. In reality, as regards religions in general and Buddhism in particular, no one escapes the controls and prohibitive restrictions imposed by the numerous laws, decrees and directives on religion, which virtually codify repression. Throughout the past two thousand years of Vietnamese history, during the sovereign and independent dynasties, Buddhism has never been subjected to such restrictive religious legislation.

From Decree 297/CP, to Decree No. 69/HDBT of the Council of Ministers of 1991, to Decree 26/1999/NDCP, from Directive No. 379/TTG, Directive No. 500 HD/TGCP to the "Instructions on the Implementation of Decree 26" issued by the Government Board of Religious Affairs on 16 June 1999 - over the past 25 years, religious followers of all denominations have had to line up and listen to the State pontificating, through its Board of Religious Affairs, on matters that have nothing to do with religious belief, enlightenment or liberation from ignorance and suffering. There is no freedom in them at all.

That is the general situation that the people as a whole, and Buddhist Sangha and followers in particular, have been forced to endure in silence and utter desperation for the past 25 years in South Vietnam and for 45 years in the North.

Just as the bird on the verge of death sings its most poignant song, so I, an old monk on the threshold of departure from this world, cannot tell a lie: The Party cannot keep on covering up its errors in order to perpetrate inhuman acts. The effects of these acts are disastrous: our people are driven into abject poverty, religions are repressed, intellectuals are denied freedom of thought, journalists lose their freedom of expression, writers and artists are deprived of the right to create, workers forbidden to form free trade unions...

It is time for the Party to stop impoverishing the people and wasting our people's talents and resources.

With respect to Buddhism, we urge you :

- ♦ to guarantee the right of existence of the UBCV and restore its legitimate right to freedom of religious activity as guaranteed by the SRV Constitution, the UN Universal Declaration of Human Rights and the International Covenant on Civil and Political Rights ;
- ♦ to ensure that all Buddhist dignitaries, monks, nuns and lay-followers released after serving prison sentences are issued with residence permits, granted full citizenship rights and allowed to resume their religious activities in full freedom;
- ♦ to repeal Decree 31/CP and definitively cease the unlawful practice of "administrative detention". Under this arbitrary practice, released prisoners have the

impression that they have been moved from a small prison into a larger one. They live in a state of permanent insecurity, fearing arrest at any moment ;

- ♦ to release all Buddhist monks, nuns and lay-followers detained in prison or under administrative detention because of their religious beliefs, and lift all restrictions on their freedom. Those suspected of committing a criminal offense should be ensured the right to a fair trial. They should have access to defense counsel of their own choice and be tried publicly, in the presence of the international media.

Moreover, we would like to return the “reactionary hat”, the “hat of the saboteur”, the “hat of slanderous opposition elements” back to those who put such false accusations upon our heads. Buddhism is the Path leading to Enlightenment and deliverance from Suffering. Buddhism is the Path leading to the building of a humane and fraternal world. The aim of Buddhism is not to pit itself against temporal, ideological doctrines, for these doctrines shall perish with the times. Buddhism develops Right Understanding (*Samyak-drsti*) to dissipate prejudices and fanatical views.

To commemorate the 25th Anniversary of the end of the Vietnam war, I propose that the Party and State undertake a unique, unprecedented act, a feat that only the brave and bold would dare to attempt. I invite you to realize three gestures worthy of a civilized state:

First, to definitively cease **waging war**, both in thought and in action, against Vietnamese citizens from all components of society and religious communities outside the Communist Party of Vietnam. The Party has continuously waged war on the people under pretext of the class-struggle and the proletarian dictatorship.

Second, to proclaim April 30th the “**National Day of Repentance and Commitment**”. A day of repentance towards the dead, but also a commitment to promote the rights and dignity of the living. In Western democracies, governments are obliged to repent their errors every day by virtue of the people’s right to freedom of the press, freedom of expression and the right to file complaints and seek remedy for their grievances. The same applies to major Western religions. Recently, the Pope publicly apologized for the crimes committed by the Roman Catholic Church over the past 2,000 years against other religions and against humanity.

Can the Communist Party dare to claim it has committed no crimes over the past 55 years ? Can it not hear the cries of all those unjustly killed during the two wars [against the French and the Americans], of all the innocent people murdered in the Land Reforms, in the Tet Offensive in Hue, in the reeducation camps and New Economic Zones? However much the Party denies these crimes, it cannot escape reality, for the spirits of the unquiet dead are legion. If the Party has any pity for these victims, it must guarantee their sacred rights, make a public act of penance and pray for all those who were unjustly put to death, so that their tormented spirits may finally rest in peace.

Sacred rights for the dead, human rights for the living. This is the modern, dynamic meaning of “**Commitment to the Living**”. Our kings and rulers of yore held the Nam Giao ceremonies each year to invoke the Heavens’ protection for the nation and the people. In our modern world, instead of invoking the Heavens, the State should protect the people by implementing laws to guarantee basic human rights and civil liberties.

Third, to adopt binding legislation to search for the remains of Vietnamese MIAs, without discrimination between North and South. They should be entitled to a decent burial, and their families should be notified, comforted and granted adequate compensation ; to release all citizens deprived of their freedom because of their political opinions or religious beliefs ; to rehabilitate the honour and dignity of all those who died unjustly, and provide adequate compensation to all war victims, whether they be from the North or South, irrespective of their political affiliations or opinions.

If these three acts are accomplished and the right to existence of the Unified Buddhist Church of Vietnam is guaranteed, then the Vietnam war will truly be over. And this 25th Anniversary celebration will be the first step towards a lasting reconciliation between all people of Vietnam. I count on you to fulfill these requests.

Yours sincerely,

(Signature)

Bikkhu Thich Huyen Quang
Acting Head of the Institute of the Sangha
Unified Buddhist Church of Vietnam

As Vietnam hosts the UN Day of the Vesak in Hanoi :

**UBCV Patriarch Thich Huyen Quang issues Vesak Message
urging Buddhists to stand up for freedom and human rights**

● On 13th May 2008, the **Overseas Unified Buddhist Church of Vietnam** commemorated the Vesak with a great celebration in San Gabriel, California, with the participation of 200 international personalities and Buddhist Sangha from the USA, Burma Tibet, China, Cambodia, Thailand, Sri Lanka, and 5,000 Buddhists. Leading UBCV monks from Europe, the US, Canada and Australia attended the event.

One of the international speakers, **Professor Ananda Guruge**, former Ambassador of Sri Lanka in the USA and currently Vice-President of the World Fellowship of Buddhists, told the gathering he had turned down an invitation from the United Nations to attend Vesak Day in Hanoi. *"I am here by choice. I would rather stand beside Vietnamese Buddhists in the fight for freedom than attend the commemoration in Hanoi. I am here in recognition of your struggle, not only for religious freedom, but for all human rights for all"*.

The highlight of the ceremony was a Message from the UBCV's **Fourth Supreme Patriarch Thich Huyen Quang** sent clandestinely from the Nguyen Thieu Monastery in Binh Dinh, calling on Buddhists to engage in the movement for the UBCV's right to existence and the peaceful struggle to *"defend our country, promote freedom, justice and human rights"*. This Message, which will be read out during the Vesak in UBCV Pagodas all over Vietnam and within the 2-million-strong Vietnamese Buddhist Diaspora, sends a strong signal to the Communist leadership of the outlawed UBCV's determination to pursue its peaceful struggle in spite of government repression.

UBCV Patriarch Thich Huyen Quang, 88, reminded Buddhists that the Vesak is an occasion to *"joyously celebrate and embrace Lord Buddha's teachings with their hearts and minds"*, but also to *"solemnly pledge to spread his teachings all over the world, to emancipate all beings from suffering... to bring peace to this world and harmonious existence to all people"*.

The UBCV Patriarch stressed the specificity of Vietnamese Buddhism, with its unique tradition of social activism: *"The two-thousand-year tradition [of Buddhism] in Vietnam is a history of unending engagement to bring enlightenment to all beings, to liberate peoples and nations from oppression, to awaken the Buddha-hood inherent in each person"*. Following the Mahayana tradition prevalent in Vietnam, he stressed, *"Buddhism does not turn its back on society. On the contrary, Buddhism boldly confronts society's challenges, restoring peace to societies where repression rules, false thinking dominates and people are driven into perpetual conflict"*.

Under Vietnam's policies of economic liberalization under authoritarian control, he observed: *"we can see that Vietnam's economic development has brought some improvements. But at the same time, the poverty gap is rocketing. This is not just the gap between rich and poor, but the gulf between the rulers and the ruled. Vietnam's policies have produced a "rich country with poor*

people”, the very contrary of the prosperity that the government’s slogans claim”... “In terms of human freedoms, we have nothing – all basic rights and liberties are denied. The religious communities cannot act freely, and as a result, social problems are persistent and increasing. It is impossible to bring enlightenment where poverty and lack of freedom prevail”.

Condemning Vietnam’s concession of territorial lands and waters to China, he wrote: “We have virtually lost the Spratly and Paracel islands, to the total indifference of our government. How starkly their attitude contrasts with that of the Dinh, Le, Ly and later Le, Ly and Tran dynasties, where the kings, great Zen masters, Buddhists and the entire population shared a common determination to defend and preserve the nation. Thanks to their efforts to defend our country, the Vietnamese people have a land on which to live. Thanks to their efforts to maintain our independence, the Vietnamese people have preserved their identity and developed the spiritual and cultural values that distinguish Vietnamese civilization today”. By developing their spirituality and fulfilling Buddha’s teachings, Buddhists could serve their country and help to “ensure that the Vietnamese people will never again be slaves”.

“Buddha’s teachings cannot flourish in a country reduced to slavery; human beings cannot enjoy happiness if they are poor and oppressed. The ultimate vow of all Buddhists is to emerge wherever such suffering exists, and show all beings the Path to liberation”.

Following the exodus of millions of Boat People, noted Patriarch Thich Huyen Quang, “For the first time in our history, large numbers of Vietnamese people are settled in countries all over the world”. He called upon them to “sow the seeds of Vietnamese Buddhism” in their countries. “This will be our way of contributing to world peace, by stemming the rise of intolerance and the advocacy of violence and terrorism by fanatical ideologies. With the global tendency of today’s world, and its increased trends of dialogue and cooperation, there is more than ever a need for Buddha’s teachings of wisdom and compassion. The more radiantly Buddhists overseas can spread this message, the more it will shine back upon our homeland, and one day soon, restore Vietnam’s resplendence once again”.

Tài liệu do Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế, Cơ quan Thông tin và Phát ngôn của Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, thực hiện / *Document compiled by the International Buddhist Information Bureau, official mouthpiece of the Unified Buddhist Church of Vietnam*

B.P. 60063 – 94472 Boissy Saint Léger cedex – France

Phone +331 45 98 30 85 – E-mail : ubcv.ibib@buddhist.com – Web : <http://www.queme.net>